ARC HOANG 39

KIM VÂN KIỀU ÁN
và NGUYỄN VĂN THẮNG

Hoàng Xuân-Hãn

Xin độc-giả chú-ý. Muốn cho tiện sự đánh chữ Quốc-ngữ với máy điện-tử quốc-tế, tôi sẽ tạm đổi, để thí-nghiệm , một số vần kê sau đây:

1° Z thay D; ví-dụ: zần-zà = dần-dà
2° D THAY Đ; ví-dụ: dầy-dủ = đầy-đủ
3° Ä thay Ă; vi-dụ: än-nän = ăn-năn
4° Ö thay Ơ; ví-dụ: dön-sö = đơn-sơ
5° W thay Ư; ví-dụ: lwc-lwợng = lực-lượng
6° I thay Y sau mọi chữ cái vô-âm: ví-dụ: li-kì = ly-kỳ
7° Tôi sẽ dùng cái gạch-nối để gộp nhiều âm khi toàn-thể chỉ biểu-thị một ý mà thôi. Trong những bài có tính-cách kĩ-thuật, sự ấy khiến độc-giả, khi dọc, hiểu chóng câu văn hơn.

****

LỜI NÓI DẦU

Những áng văn có tiếng thời xwa dã xui các văn-nhân đời sau trwốc-tác cùng theo một đề. CHINH PHỤ NGÂM KHÚC bằng Hán-văn của Dặng-Trần Côn đã zẫn Đoàn-thị Diểm, Nguyễn Khản, Phan Huy-Ích ziễn ra nôm, và Hồng-liệt bá, một viên quan đời Tây-sơn bắt chwớc soạn Chinh phu ngâm khúc. CUNG OẢN NGÂM KHÚC của Nguyễn Gia-Thiều dã khởi nguồn cho Tấn cung oáncủa Nguyễn Hwu-Chỉnh và Cung oán thi của Vũ Trinh.

Chuyện nôm KIM VÂN KIỀU của NGUYỄN ZU càng vang tiếng giội rất sâu. " Không nhwng các văn-nhân khi mắt dọc thì lòng thích thân khoái, mà hẵn rằng những trai đồng gái chợ, khi ngâm truyền cho nhau, cũng tay múa dùi rung[illegible] " Dớ là lời ông nghè NGUYỄN VĂN-THẮNG dã viết cách nay hơn 150 năm. Văn-nhân đời sau dua nhau đề twa, đề tw, vịnh nhân-vật, tình-cảnh, soạn tuồng, chèo, đặt câu đố, câu ví, câu nhại, bài ca, đều liên-hệ vối chuyện Kim Vân Kiều.

BULAC

Dặc-biệt nhất, dã có một văn-sĩ phân-tích dủ mọi nhân-vật trong chuyện về tính-tình, hành-dộng, thẩm-xét sự hay, sự zở, kê công, bày tội, rồi dem thanh-nghị và quốc-pháp mà dề-nghị thwỗng phạt nhw một quan chánh-án. Tập án nầy dwộc dặt tên làKIM VÂN KIỀU ÁN, soạn vào khoảng năm 1830-1831, Bởi ông nghè NGUYỄN Văn-Thắng dã nói dến trên, bấy-giờ dang bị treo chwc tham-nghị (nhw án-sát) trấn Thanh-hoa, và bị hạ-ngục dợi Triều-dình xử tội.

Vì tôi không dwộc dọc gia-phả họ Nguyễn Văn-Thắng, cho nên tôi chỉ góp-nhặt nhwng chi-tiết dại-cwỗng về thân-thế Ông trong một số sách cũ, mà mwc-dộ dáng tin về Ông có khác nhau. Nhwng sách ấy nhw sau:

1) Quốc triều Hwỗng khoa lục cho biết khoa hwỗng Ông thi dậu, quê-quán và chwc quan cuối cùng. Cũng cho biết có con dậu hwỗng-cống.国朝鄉科錄

2) DẶNG KHOA LỤC HỢP BIÊN cho biết khoa thi hội và dình Ông dậu Tiến-sĩ và tuổi Ông năm ấy. 登科錄合編

3) DẠI NAM THWC LỤC CHÁNH BIÊN DỆ NHỊ KỈ là nguyệt-kí dời Minh-mạng chép khá rỡ nhwng chuyện thi hội và thi dình khoa Ông dậu. Lại chép nhwng chặng Ông thăng quan và sự Ông bị tội. 大南實錄 (正編第二紀)

4) QUỐC SỬ ZI BIÊN soạn bởi Phan Thúc-Trực có chép qua về tội-国史遺編

5) KIM VÂN KIỀU ÁN có bản in năm 1848, có chú: " Thanh-hóa tỉnh Tham-hiệp Nguyễn Văn-Thắng soạn, và có twa của tác-giả. 金雲翹案

6) KINH BẮC TIẾN SĨ NGUYỄN VĂN THẮNG THI TẬP bản viết tay, chăc tập-hợp bởi ngwời dời sau, vì trỏ quê Ông ở Kinh-bắc (Bắc-ninh) là sai; nhwng có mang một số diểm dáng chú-ý. 京北進士阮文勝詩集

Sau nầy, lúc tôi muốn zẫn chứng nhwng sách trên, thì tôi chỉ số-mục nó trong bảng trên và dề, nếu cần, số quyển và số trang.

****

THÂN THỂ NGUYỄN VĂN THẮNG

QUÊ-QUÁN, TUỔI THANH-NIÊN--- DẬU HWONG-CONG

Nguyễn Văn-Thắng sinh năm Gia-long thứ 2, Quí-Hợi 1803, tại phwỗng Yên-thái, huyện Vĩnh-thuận, trấn Bắc-thành, tức Thăng-long, cạnh bên tây HỒ TÂY, cũng là làng Bưởi ('1' và '2').

Dời Lê, văn-học rất thịnh, khoa-cử mở dều. Dến dời Tây-sơn, từ năm 1787, chế-dộ quân-quyền dặt khắp, văn-giới tan-mát, khoa-cử bỏ quên. Cho dến dầu dời Nguyễn vẫn còn nhw thế. Sau khi thống-nhất ổn-dịnh, cánh văn-thần lập lại thế-lực. Trong công-văn zần-zần bỏ chữ nôm. Nền-tảng học-tập văn-chwỗngdwộc tổ-chức trở lại từ Nam dến Bắc. Năm Gia-long thứ 6 (1807), hwỗng-thi bằng Hán-văn dwộc mở lại. Tuy mới mở có sáu trwỗng từ Nghệ-antrở ra Bắc, nhwng sự ấy làm sĩ-khí rất phấn-khởi.

Cậu bé Văn-Thắng bấy-giờ dã 5 tuổi, chắc dã bắt dầu học trong gia-dình dể lớn di thi. Bấy-giờ các nho-si dời Lê còn lại rất nhiều, chỉ số ít theo Ngô Thì-Nhậm hợp-tác với Tây-sơn và bấy-giờ bị dào-thải. Một số còn lại dwộc mời ra giúp công-việc tử-hàn, giáo-zục, cai-trị dịa-phwỗng. Một phần lớn, hoặc giữ nghĩa với triều Lê, hoặc vì tuổi già, cho nên không ra, ẩn ở nhà mở trwỗng tw-thục. Các gia-dình dua nhau cho con em di thụ-giáo với các thầy ấy.

Suốt dời Gia-long, zân-gian còn phải chịu nhiều diều lao-khổ. Nhân-dân ngoài Bắc còn chống họ Nguyễn. Lại mùa-màng mất, zao-zịch dắp thành-trì

Cái lệ ba năm thi hwöng một lần rồi năm sau thi hội không thể thi-hành. Bèn hẹn lại sáu năm và tạm hoãn thi hội. Hai khoa sau mở vào nhữ̃ng năm 1813 và 1819, trong hai khoa nầy, hai trwờng thi mới dwợc mở cho sĩ-tw miền nam ở Thwa-thiên và Gia-định.

Năm 1819, cậu thw-sinh Văn-Thắng đã 17 tuổi. Với trí thông-minh của Cậu, chắc Cậu có thể nộp quyển di thi. Nhwng hình nhw bấy-giờ Cậu đại-tang ('6'); cho nên nếu có muốn di thi thì phép nwớc cũng cấm. cuối năm ấy, Minh-mạng lên ngôi nối Gia-long; định áp-zụng lại lệ ba năm cũ. Nhwng lại muốn tỏ bụng sùng nho trọng sĩ, vua mở ân-khoa sớm một năm, vào năm Tân-Tị 1821. Có lẽ Nguyễn Văn-Thắng bấy giờ đại-tang chwa hết, ('6') cho nên lại không dwợc phép di thi.

Sự học-hành và thi-cử chi-phối hoàn-toàn sự-nghiệp ngwời xwa. Tôi sẽ lwợc bày nhữ̃ng sự ấy. Học có ba cấp: tiểu-học, trung-học và đại-học. Tiểu-học bắt đầu vào năm sáu tuổi, học sách Tam tự kinh rồi sách Hiếu kinh, để biết mặt chữ, nghĩa, trí-thức thông-thwờng và luân-lí đạo-đwc. Tiểu-sinh tập đặt câu ngắn, xếp câu đối nhỏ, làm bài đoạn ngắn. Trung-học bắt đầu tw chín mwời tuổi, học bốn sách căn-bản của Khổng-giáo, gọi là 四書 **Tứ thw** hay **Tứ truyện**, là nhữ̃ng sách các môn-đồ Khổng-tw soạn hoặc biên-tập mà thành: Đại học, Trung zung, Luận ngữ, Mạnh tw. Học-sinh tập làm nhữ̃ng bài ngắn theo lề-lối di thi: thích nghĩa một câu rút tw sách học (chế-nghĩa), thờ, phú. Đại-học thwờng bắt đầu tw mwời bốn mwời lăm tuổi; học năm sách gọi là **NGŨ KINH** 五經: Xuân thu là sw biên-niên nwớc Lỗ mà chính Khổng-tw đã soạn, hoặc nhữ̃ng tập tw-liệu xwa mà Khổng-tw đã lwợm-lặt, bảo-tồn, sắp-xếp: Thi kinh, Thw kinh, Zịch kinh, Lễ kinh. Các nho-sinh tập nhữ̃ng bài kể trên và các bài khắc trình-độ cao hơn: Chiếu, chế là lời vua ban ra, Tấu biểu là lời bầy-tôi zâng lên vua, văn sách là lời bình-luận đề-nghị về một vấn-đề chính-trị, zwa vào sw-sách. Vì vậy nho-sinh phải học sw các triều-đại quan-trọng ở Trung-quốc, nhw Hán, Dwờng.

Các nho-sinh tập bài ở trwờng huyện, phủ hay trấn với các viên quan huấn-đạo, giáo-thụ hay Đốc-học; nhwng cũng tập thêm tại trwờng của các nhà đại-nho. Nguyễn Văn-Thắng chắc tập ở trwờng phủ Hoài-đwc và cũng là trwờng trấn Bắc-thành, và chắc cũng tập với zanh-sw đang thời là Phạm Qui-Thích. Hằng năm, nha Đốc-học mở một khóa thi gần giống thi hwöng để thw swc sĩ-tw. Ai đậu kì thi ấy gọi là đậu hạch. Có đậu hạch thì mới dwợc nhận di thi hwöng. Nhwng cũng cần lời khai của xã-trwởng làng mình nhận mình không đại-tang, không bất-hiếu, bất-mục, không loạn-luân, không điêu-toa và không phạm án trộm cwớp sau khi Gia-long lên ngôi ('3, ki 1, quyển 32/trang 11b')

Tháng 6 năm Minh-mang thw 5 (1824) vua định năm sau lại mở khoa thi hwong cho đúng lệ ba năm. Lời chiếu rằng:

" Tôn dãi hiền năng là thịnh điển của vua sáng-suốt. ấy vì nhà nwớc chọn ngwời trách-nhiệm phần lớn lấy trong nhữ̃ng kẻ khoa-mục mà dùng. Ở nwớc ta, sau khi cha ta, Thế-tổ Cao Hoàng-đế, định yên cả nwớc, đã lập đủ lệ mở khoa thi hwöng. Tw khi Trẫm nối ngôi, thwờng nghĩ đến sự thwờng bạt nhân-tài. Năm trwớc đã mở các khoa hwöng và hội để thu-lục rộng-rãi. Nay định đến mùa thu năm Ất-Zậu Minh-mạng thw 6 (1825) sẽ mở thi hwöng ba trwờng Nghệ-an, Thwa-thiên, Gia-định vào tháng 7; ba trwờng Thanh-hóa, Bắc-thành và Nam-định vào tháng 9. Nầy các si-tw! các ngwOi nên dều vâng đwc tốt, cố đua học-hành, làm sao để đáp cái ý rất muốn bồi-zwỡng tấc-thành cho các ngwöi" ('3,quyên 27/16b')

Đầu năm Ất-Zậu, Nguyễn Văn-Thắng đã đậu hạch trwờng Hoài-đwc, dwợc phép di thi. Chàng mua giấy dó trắng làng mình, đóng ba quyển thi dày chwng hai chục tờ. Ở bên trái trang đầu mỗi quyển, Chàng để tên mình bằng chữ

Muôn cho tiên su danh may chu quôc-ngu voi may diên-tu quôc-tê, tôi se dôi môt sô vân se sua dôi môt vài vân. Do cung là môt phân nghi-quyêt tôi da thi-hành vào giua

Xin dôc-gia chu-y: Muôn co tiên cho su danh may chu Quôc-ngu voi

lớn, tuổi và quê-quán bằng chữ nhỏ gần bề trái trang dầu; rồi nộp quyển cho nha Dốc-học. Nha nầy kiểm-điểm số thí-sinh hợp lệ, rồi bẩm lên bộ Lễ, để vua lựa chọn số quan trường, tùy số thí-sinh nhiều ít. Bấy-giờ xứ Bắc chỉ có hai trường thi: Thăng-long và Nam-định. Cho nên mỗi trường có chừng bốn nghìn thí-sinh. Vua sai quan tả-tham-tri bộ Lễ là Nguyễn Dăng-Tuânlàm dề-điệutức là chánh-chủ-khảo trường Thăng-long, và quan hiệp-trấn Sơn-nam là Ngô Huy-Viênlàmgiám-thí. Hai viên nầy có trách-nhiệm hoàn-toàn về việc thi. Họp với các quan phân-khảo phụ-trách sự xét lại những quyển bị loại, và một quan ngự-sử giám-sát, thành nhóm Ngoại-trường, cơ-quan dinh-đoạt của trường thi. Dưới quyền Ngoại-trường có Nội-trường gồm các quan chấm quyển trước Ngoại-trường và một quan ngự-sử giám-sát. Mỗi quyển của thí-sinh phải qua bốn dột chấm: dầu hết quan sơ-khảo chấm bằng nét son thắm, rồi đến quan phúc-khảo chấm bằng nét mực xanh. Hai vị nầy phê điểm và kí tên, trước khi chuyển sang quan giám-khảo chấm bằng son điều. Điểm phê, từ hay nhất đến xổ nhất, bằng bốn chữ: Ưu, Bình, Thứ, Liệt. Khoa nầy hai viên thiêm-sự ở Kinh, Thân Văn-Duy và Lê Quang được cử làm giám-khảo trường Thăng-long. Nếu quyển nào bị hai điểm liệt ở nội-trường thì thí-sinh ấy bị loại, nhưng cũng còn được quan phân-khảo xét có thực đáng loại hay không, và nếu cho là không thì đệ quan đề-điệu phân-xử. Còn các quyển khác thìđược quan đề-điệu chấm lần thứ tư với nét son tàu đỏ tươi; và nếu không bị phê liệt thì thí-sinh dậu dột ấy. Khoa thi gồm bốn dột gọi là kì, như kì đệ nhất, kì đệ nhị, vân vân.Kì đệ nhất thi chế nghĩa, nghĩa là giải-thích một câu ngắn rút từ TỨ THƯ, NGŨ KINH. Kì đệ nhị thi giả làm một bài CHIẾU, CHỈ, và một bài BIỂU. Kì đệ tam thi làm một bài THI ĐƯỜNG-LUẬT và một bài PHÚ phần lớn ngụ đến những chuyện trong Bắc-sử. Kì đệ tứ thi văn sách,nghĩa là phải trả lời nhiều câu hỏi lắt-léo về luân-lí, chính-sự, làm sao cho hợp lí, hợp tình. Nếu thí-sinh chỉ đậu ba kì đầu thì có thểđược xếp vào sổ sinh-đồ (tú-tài khoa sau). Còn những thí-sinh trúng cả bốn kì, thì quan trường xét điểm cả bốn kì mà xếp thứ-tự. Rồi theo giải-ngạch bộ Lễ đã định, nghĩa là số tối-đa hương-cống và sinh-đồ ban cho trường thi Thăng-long, mà định bằng tên những thí-sinh đậu hương-cống và sinh-đồ.

Khoa Ất-Sửu (1825) nầy, trường Thăng-long chỉ lấy 28 hương-cống (cử-nhân khoa sau). **Nguyễn Văn-Thắng** đậu thứ 18; bấy-giờ mới 23 tuổi. Đó là một sự vinh-dự lớn ở thời xưa, có chỉ nhờ tri-tuệ của mình, nhờ sự cố gắng của mình, chứ không thể nhờ sự gian-lận, hay quan trường chechở. Quả thật vậy; khi thí-sinh vào thi, thì lính-tráng khám bản-thân và đồ-vật mang theo, vì cấm không được mang một mảnh giấy có chữ vào trường. Chỗ thí-sinh dóng lều ngồi làm bài được chỉ-định ngẫu-nhiên, kẻo sợ những kẻ muốn giúp nhau thông mưu trước để ngồi cạnh nhau. Muốn quan trường khi chấm, khó nhận được quyển ấy của ai, người ta dùng phép rọc phách: trước lúc trả lại cho thí-sinh quyển thi còn giấy trắng để viết bài, thì viên lại-phong ghi vào hai bên trang dầu quyển hai dong số-hiệu y như nhau, rồi rọc lấy cắt nửa bên trái mang tên tuổi, quê-quán và một dòng số-hiệu. Lúc đã chấm xong, lại-phòng theo số-hiệu mà ghép lại tên thí-sinh vào quyển của nó. Muốn quan trường không dám sửa chữa bài làm của thí-sinh, và không thông-gian với ai, họ bị nhốt trong vòng trường thi suốt một tháng đến cuối kì thi. Họ không được mang mực đen vào trường. Sau bài làm, thí-sinh phải kê khai bài mình dài mấy trang, có bao nhiêu chữ xoá, chữ đổi viết ngoài dòng, bao-nhiêu chữ thêm vào ngoài dòng, bao-nhiêu chỗ câu-ngoặc trên dưới. Muốn để khám-phá sự dánh tráo quyển viết của thí-sinh và quyển làm gian khác, thì quyển thí-sinh có dóng dấu son ở chỗ ghép trang hai và trang ba, có dâu son dóng sau đoạn mình viết trong buổi sáng, và dấu ở cuối bài, dóng khi nộp quyển (Hạn cuối là dầu canh một, nhưng những quyển ngoại-hạn cũng được quan phân-khảo xem qua chừng có gì đặc-sắc không). Lại còn một lệ nữa: quan trường được chọn người quê-quán

xa nöi thi, dể tránh sự có bà-con dự thí. Mà nếu gặp trường-hợp vậy, thì quan trường ấy phải hồi-tị nghĩa là phải tư chức.. Chưa có kinh-nghiệm mà Nguyễn Văn-Thắng tranh được mọi cạm bẫy làm những người học giỏi thường bị hỏng, như phạm húy nghĩa là viết chữ tên vua, tên cha mẹ tổ-tiên vua, tên miếu-hiệu, tên lăng-tẩm; phạm dài nghĩa là khi gặp một chữ liên-hệ đến vua mà không biết qua dòng và viết cao hơn thường từ một đến ba bậc tùy theo nặng nhẹ.

Còn ít tuổi, có-lẽ đi thi lần đầu mà Ông đậu hương-cống thứ 18 ở trường Thăng-long, ganh đua với gần bốn nghìn sĩ-tử nhiều người giỏi. Trong số 28 người đỗ-khoa, sau nầy có đến bảy người đậu đại-khoa.Những ông tân-khoa được ban áo mão màu xanh, vào lạy Hoàng-cung để cảm-ơn vua, lạy các quan trường và các đại-thần trấn Bắc-thành; được ự bữa yến rồi được vinh làng đem võng lọng rước về làng. Phường Yên-thái không xa Trấn-thành, chắc rằng họ-hàng làng-mạc đua nhau xuống Thăng-long đón rước rất đông. huống chi khoa nầy phường Yên-thái có những hai ông cống! Các ông mổ bò giết lợn, đem đi yết tổ-tiên, thần làng, nhà Thánh (Không-tử), các thầy học tư thưa nhỏ; khao bà-con, làng-nước. Các lễ vinh-qui xong, liền phải trấy Kinh vào Quốc-tử-giám để bộ Lễ kiểm-tra lại, xem có dáng xanh hương-cống không, và để tập bài thêm cho sẵn-sàng năm sau ự kì thi hội.

DẬU TIẾN-SĨ

Thể-lệ thi hội là thi ba kì như ba kì đầu thi hương, nhưng nghi-thức long-trọng hơn. Tháng 3 năm Bính-Tuất, 1826, niên-hiệu Minh-mạng thứ 7, mở khoa thi hội thứ hai triều Nguyễn. Các quan trường gồm có chánh và phó chủ-khảoyới tri-cống-cử được chọn trong bực đại-thần có danh-vọng về văn-học. Các quan sö-khảo, phúc-khảo đều là những người có tiếng về khoa-zanh. Khoa nầy vua cử hai thượng-thư bộ Lễ và bộ Lai; Nguyễn Xuân-Thục và Trần Löi-Trinh, làm chánh và phó chủ-khảo; hữu tham-tri bộ Lễ Phan Huy-Thực và thông-chính-sự bô Lại Lê Däng-Zoanh sung việc tri-cống-cử. Khoa nầy số hương-cống thi hội chỉ hơn 200 dời với 500 có thể đi thi. Khác với thi hương là các sĩ-tử được thi cả ba kì, không kể điểm. Nếu Nếu có một điểm liệt mà không có một điểm ưu chế lại, thì thí-sinh ấy không những bị loại, mà còn bị trước zanh hương-cống nữa.

Bộ Lễ zâng số trúng hội thí. Số ấy chỉ có 9 người, mà đều vào hạng thứ mà thôi. **NGUYỄN VĂN-THẮNG trung thứ bay. Vua Minh-mạng thấy số ít quá, bảo quan bộ Lễ rằng:**

" Từ khi lên ngôi, Trẫm vốn lưu ý trau-giồi văn-học. Trẫm đã từng sai zựng nhà Quốc-tử-giám, lại thêm số giám-sinh, sai quan zạy-zỗ để bồi-zưỡng nhân-tài, không phải chỉ một ngày mà thôi. Nay zự thi hội có hơn hai trăm sĩ-tử, thế mà không một quyển nào được điểm ưu, khiến lòng người không vui. Hoặc-giả những người chuyên-trách quá nghiệt về qui-luật, kiểm-xuyệt quá khắt-khe, cho nên thành như thế.

Vua lại thấy rằng trong số chín người đậu hội, không có ai quê ở Dàng Trong từ Quảng-bình trở vào, tuy rằng trường thi hương đã mở được bốn khoa ở Kinh và Gia-định. Vua bảo hai quan hầu, Lương Tiến-Tường và Hoàng Kim-Xán rằng:

"Nay thiên-hạ đã chung một nhà, zân Nam zân Bắc đều là con một nước. Vì vậy, nếu người Nam giỏi thì zùng người Nam,nếu người Bắc giỏi thì zùng người Bắc; chứ không nên thiên-lệch. Và-chăng sĩ-tử Nam và Bắc đều được nhà-nước zạy-zỗ. Trẫm nghĩ rằng sức học chúng cũng xấp-xỉ nhau. Mà nay chín tên zự trúng đều người Bắc. Ấy là tại sao? Các người nên lấy thêm một hai người quê từ Thừa-thiên trở vào Nam để khuyến-khích sĩ-phong. Nên làm như thế!"

Vì lí-zo chính-trị và cảm-tình riêng với zân ngày xwa thuộc các chúa Nguyễn, vua Minh-mang tỏ ra lời nầy; chứ không thể nghi-ngờ các quan trwờng tây-vị, vì pháp-lệ thi hội lại còn chu-dáo hơn thi hwơng; Các quan trwờng không dwợc chấm thẳng các quyển viết bởi thí-sinh. Sau khi thu quyển, có những quan phong di róc phách, rồi giao quyển cho những viên dăng biên chữ tốt, sao bài thí-sinh dã làm vào một quyển khác bằng giấy lệnh, dẹp và khổ to. Sao bằng son, chữ chân-phương, mỗi trang tám hàng, mỗi hàng hai mwời mốt chữ. Nguyên bản của thi-sinh dwợc cất vào hòm niêm-phong. Bản sao dwợc trao cho các quan trwờng châm. Vậy thi hội thì khó lòng mà quan-trwờng biết dwợc tên tác-giả bài làm. Nếu có muốn xét lại một quyển nào, thì cộng-đồng các quan trwờng có bằng lòng mới dwợc. Sĩ-zĩ trong hai khoa hội dầu chwa có ngwời zân cữ Dàng Trong dậu, chỉ bởi vì họ chwa quen với văn cử-nghiệp, với lối thờ phú chải-chuốt của sĩ-tử miền Bắc mà thôi. Zầu sao, lời chỉ-trích của vua cũng có ảnh-hwởng. Các quan trwờng xét lại những quyển rớt hội, rồi định chỉ lấy trúng thêm một thí-sinh mà thôi, xếp vào thứ mwời: ấy là Phan Thanh - Giản, 31 tuổi, quê trấn Vĩnh-thanh (sau vì trùng với tên lăng vua, nên dổi ra Vĩnh-long) huyện Vĩnh-bình, dậu hwơng-cống năm trwớc. Chính ông sau thành một dại-thần triều Nguyễn. Nhw vậy thì khoa hội ấy chỉ có mwời thí-sinh dậu (Bấy-giờ chwa dặt phó-bang); còn hơn hai trăm hwong-cống khác phải trở lại học Giám hay về làng dợi bổ-zụng.

Mwời hội-trúng dwợc thi kì thứ tw ở diện Cần-chánh, nói cho dúng hơn thì thi ở sân diện. Vì vậy kì thi nầy gọi là diện thí hay là dình-thí; Thwờng gọi là kì thi dình.

Nghi-thwc thi dình rất là long-trọng. Lần nầy chính vua ban dầu dề, là một bài văn sách hỏi ý-kiến sĩ-tử về chính-sự và cốt là về chính-sự dang thời. Các quan trwờng cũng dổi mới. Không có quan chánh phó chủ-khảo nhw ở thi hội. Vua chọn twờng tiền-quân Trần Văn-Năng làm giám-thí đại-thần, giữ toàn trách-nhiệm kì thi nầy. Bốn viên sung chức độcthw nghĩa là dọc bản sao bài văn của thí-sinh cho toàn-thể trwờng-quan và cho vua nghe dề phê diểm: thwợng-thw bộ Lại Trần Lợi-Trinh, tham-tri bộ Lại và bộ Lễ Hoàng Kim-Xán và Phan Huy-Thực, với thông-chính-sứ bộ Lại Lê Dăng-Doanh, hai viên nhận quyển và duyệt quyển là hai ông nghè vwa mới dậu khoa trwớc; ấy là Hà Tông-Quyền thiểm-sự bộ Lễ và Phan Bá-Dạt tw-nghiệp Quốc-tử-giám. Những chức chuyên-vụ nhw truyền lô(xwớng tên ngwời dậu), phong di (róc phách), thủ chwởng (cầm quyển), ấn quyển (dóng zấu), diển bảng (viết bảng zanh-sách ngwời dậu), thw-tả(sao quyển) vân vân, dều dwợc chọn trong hàng quan trung-cấp và hạ-cấp.

Ngày thi dình vào tháng tw, zo ti Khâm-thiên-giám chọn không mwa gió. Chỗ thi thuộc diện Cần-chánh. Sân diện có ba trăm linh zàn bày. triều-thần theo thứ-vị chực ở sân diện. Viên quan kinh zẫn dem mwời thí-sinh vào, mặc áo mão hwơng-cống màu lam, tay rành vì dồ văn-phòng ăn-uống dều có nhà-nwớc cấp. Các thí-sinh dứng cuối sân. Vua ra ngự giwa diện Cần-chanh. Các quan và các thí-sinh lạy chào, rồi triều-thần rút lui dwợc cử làm trwờng-quan diện-thí. Quan kinh-zẫn zẫn thí-sinh dến hai dãy hành-lang Tả-vu và Hữu-vu ở hai bên sân diện. Ở dó dã dề sẵn án viết, ghế ngồi, bút nghiên, giấy trắng dể nhập. Các thí-sinh dã nộp quyển thi trwớc. Quyển bằng giấy lệnh, trang dầu dề tên mình, tuổi, quê-quán và khoa dậu hwơng-cống. Viên ấn-quyển dã dóng vào trang dầu zấu "Diện thí chi ấn" vào tên, và ở giáp lề trang hai và trang ba, dóng zấu nhỏ"luân tài trọng diển" 倫材重典

Vua ban dầu-dề thi gọi là Ngự sách-vấn dã soạn sẵn với các quan trwờng. Rồi các quan trwờng phải ra, không dwợc tiếp-xúc với các thí-sinh.

Bây-giỗ phát dầu-dề cho thí-sinh làm bài. Suốt ngày ăn-uống và các tiện-nghi khác đều có kẻ phụ-trách cung-cấp. Lính hầu được chọn trong hàng không biết chữ. Chập-tối, các quyển thi được thu, dóng ấn, giao cho quan di-phong ghi số-hiệu, róc phách, hay nói đúng hơn thì cuốn che phách, rồi giao cho những viên dăng tả sao lại. Người xưa thường gọi đùa các viên nầy là ông nghè bút thiếp vì bài các ông viết là bài dáng xanh của ông nghè. Chữ sao bằng son, vì cấm mang mực vào khoang trường-quan, rồi, cất bản chính. Xong chuyển lại quyển sao ấy cho các quan chấm bài. Khi chấm, một quan độc quyển đọc, cho các quan khác nghe, hỏi ý-kiến các quan duyệt quyển, bình-phẩm, thẩm-xét kĩ-càng rồi phê điểm. Điểm chia làm sáu bậc, từ zở đến hay, như sau: liệt, thứ, bình-thứ, bình, ưu-thứ, ưu. Tùy điểm mà xếp bảng, từ cao xuống: Trạng-nguyên, Bảng-nhãn, Thám-hoa thuộc hàng đệ nhất giáp, Hoàng-giáp thuộc hàng đệ nhị giáp, Tiến-sĩ thuộc hàng đệ tam giáp. Nếu bị phê liệt thi hỏng. Sau khoa nầy, vua đặt một hạng dưới Tiến-sĩ, gọi là phó-tiến-sĩ, cũng gọi là phó bảng vì tên bị viết bảng riêng và không được khắc vào bia tiến-sĩ.

Khoa nầy, cả mười người thi đình đều đậu: hai Hoàng-giáp và tám Tiến-sĩ. Ý chừng suốt cả bốn kì, hội và đình, không ai có được đến điểm ưu-bình; có hai người được điểm bình hay bình-thứ; còn nữa thì chỉ có điểm thứ mà thôi. Sự vinh-dự cho khoa thi hương năm Ất-Zậu trường Thăng-long là có năm ông công mới liên đậu khoa đình nầy: HOÀNG TẾ-MĨ người làng Vẽ (Đông-ngạc) đậu đình-nguyên, ĐẶNG VĂN KHẢI đậu hội-nguyên, TÔ TRÂN người huyện Văn-giang, VŨ PHẠN cũng người Thăng-long, thôn Tư-tháp, và **NGUYỄN VĂN-THẮNG**. PHAN THANH-GIẢN được vớt kì thi hội, trái lại đậu đầu hàng Tiến-sĩ. Nguyễn Văn-Thắng đậu hội thứ bảy, lại đậu thứ mười, nghĩa là cuối bảng. Nhưng là ông nghè trẻ nhất khoa nầy, bấy-giờ mới hăm bốn tuổi.

Vua ban áo mão Tiến-sĩ cho các vị tân-khoa. Ngày hôm sau, đặt đại-triều-nghi ở điện Thái-hoà; trước mặt triều-quan, quan truyền lô xướng danh những người đậu. Xong, phát hoàng-bảng và được bảng một cách rất long-trọng ra treo yết trong lầu Phu-văn ngang trước cửa Ngọ-môn. Thiên-hạ xúm-xít lại xem, tấm-tắc khen nhân-tài xứ Bắc. Hai ngày sau, vua ban yến, đặt tại bộ Lễ, mời các ông tân-khoa và tất cả các quan trường. Lại ban cho những người dự tiệc mỗi người một cái trâm gài mão, mang hoa. Các đường-quan và trường-quan được ban hoa bằng bạc, còn dự thì hoa gấm nhiều màu. Vua lại ban cho các ông tân-khoa cờ và biển để rỡ bực-thứ của mình trong bảng đình, để trong khi vinh qui bái tổ, được tự Kinh về làng, dọc đường người đi xem hay danh-giá mình. Bộ Lễ cấp phu trạm, đem năm ông tân-khoa về đến Thăng-long. Dân hàng tổng đến trạm Hà-trungước mời ông về quê mình. Lần nầy, chung-quanh hồ Tây có bạ dám được, thật là một cảnh-tượng rõ-ràng cho cổ-độ các triều-đại trước. Nguyễn Văn-Thắng được phường chọn đất cất nhà để mổ bò giết lợn khao xóm-làng, bà-con, bạn-hữu linh-đình hơn năm trước khi mời dâu hàng. Ông một phen nữa, đi cảm-ơn tiên-sư là Khổng-tử, cảm-ơn các thầy dạy mình từ thuở bé. Đến bấy-giờ, cái mộng của Ông cắp sách đi học đã thành, mà thành rất vinh-quang khi mình còn trẻ. Tường-lai của Ông tưởng là rực-rỡ.

Theo lệ, hạn vinh-qui vài tháng. Ông phải trở lại Kinh sư để chờ bổ-dụng.

ĐỜI LÀM QUAN

Đời Nguyễn Văn-Thắng làm quan bắt đầu cũng dễ-dàng vinh-quang như đời sĩ-tử đi thi. Nhưng ta sẽ thấy rằng đời ấy chóng tan-tành. Có-lẽ vì Ông đậu trẻ, tiến quan nhanh, cho nên thành tự-phụ. Lại thiếu kinh-nghiệm xử-thế, cho nên Ông sẽ bị sẩy hẫm trên hoạn-lộ.

Theo lệ bấy-giờ, ông nghè mới đậu được bổ tập-sự trong các bộ, với chức viên-ngoại hay thiêm-sự. Rồi tùy thực-lực, được cất lên chóng hay chầy

lên chwc lang-trung là một chwc dwng dầu zwi cac dwöng-quan trong bộ nhw Thwộng-thw và Tham-tri . Vì không thấy gia-phả của Ong, nên tôi chỉ kể sö-sài hoạn-lô của Ong.

Sach '3 quyển 54, trang 9a' chép vào tháng 9 năm Mậu-Ti (1828) [illegible] hai năm sau khi Ông dậu, rằng: "Vua trao cho Nguyễn Văn-Thắng chwc lang-trung bộ Hộ". Chắc Ong là một viên-chwc có tài-cán, nghị-luận trung-trực; cho nên mới bốn tháng sau khi nhận chwc lang-trung và mới cơ hàm sáu tuổi, mà dwợc sai-phái ra trấn Thanh-hoa, diều-tra một vụ hối-lộ lớn liên-can đến các quan trấn, là những vị dwöng-quan, hàm và chwc cao hön Ông. Ở nwöc ta xwa, Nghệ-an và Thanh-hóa là hai trấn can-trọng bậc nhất, vì dinh,diền, vì buôn-bán, thuế-khóa ö các cwa quan và các bến dò, gọi là thuế quan-tân. Về dwöng văn, cả nwóc chỉ có sáu trwöng thị hwöng, mà Thanh Nghệ đã chiếm hai trwöng. Về kinh-tế, zọc bể có cá, muối, nwöc mäm. Trên rwng có quế nổi tiếng, có gỗ lim làm nhà. Các sông lại lön, zài, phát nguồn tw xw Lào, tiện cho thuyền xuôi ngwộc buôn-bán. Thuế quan-tân rất lời cho những kẻ dwộc trwng thầu. Các kẻ wng-thầu bỏ tiền ra nhiều để hối-lộ các nhà chwc-trách.

Sách '3,quyển 57, trang 18a' chép rằng "Những kẻ thầu thuế quan-tân đã biếu 20 lạng bạc cho vộ viên trấn-thủ Thanh-hoa Nguyễn Văn Hiếu, là quan võ cao-cấp cầm dầu cai-trị trấn, lại biếu 40 lạng bạc cho con trai hiệp-trấn, quan thứ hai trong trấn, là Doàn Viết-Nguyên. Sau đó lại đem lễ biếu khắp các quan trong Trấn. HIẾU và NGUYÊN nhận lễ. Chỉ có [illegible] viên tham-hiệp, quan thw ba trong trấn, là Tôn-thất Lang, không nhận. Chuyện nầy phát-lộ ra vào tháng giêng (năm Ki-Swu 1829). Triều-dình sai lang-trung bộ Hộ, Nguyễn Văn-Thắngvà hàn-lâm-viện thwa-chỉ Trwöng Phúc-Cwöng ra Thanh-hoa diều-tra. Saukhi xét thành án-trạng, bộ Hình định nhw sau:

- Trấn-thủ HIẾU bị giáng xuống hàm thất-phẩm, phải vào làm việc ö Trấn-diện-dài để chuộc tội;
- Hiệp-trấn NGUYÊN bi dày vào Nghệ-an để chuộc tội."

Để thwởng công Ông diều-tra cần-mẫn, một tháng sau, vua thăng cho lên chwc dwong-quan Tham-hiệp coi việc án-sat trấn N[illegible]Bì[illegible]3, quyển 57 trang 31a') Thế là chỉ ba năm sau khi dậu tiến-sĩ, Ông dạ lên bực dwöng-quan, zw coi một trấn ở ngoài. Bấy-giờ Ông mới 27 tuổi. Rồi tháng 11 năm ấy (Kí-Swu 1829), Ông lại dwộc diều vào làm tham-hiệp trấn Thanh-hoa, can-trọng hön trấn Ninh-bình, và cũng là nöi Ông đã tới diều-tra án hối-lộ năm trwöc ('3, quyển 63 trang 14b). Chắc Ông đã để lại ở đây nhiều uy-tín, nhwng cũng đã gây nhiều mối oán-thù với những phwồng kinh-zoanh buôn-bán.Giữ tham-hiệp trấn Thanh-hoa là một zanh-zw cho Ong, nhwng là một cạm-bẫy, ngwöi ta đặt zwới chân Ong, hoặc để thw-thách , hoặc để trả thù sw Ong mới đánh nhào hai thwộng-quan: trấn-thủ và hiệp-trấn. Thanh Nghệ có gỗ lim rất tốt cốt-thiết cho sw làm cung điện, đóng tàu bể. Vì vậy nhà-nwóc sai các quan trấn độc-quyền mua gỗ lim. Trong năm Kí-Swu ấy, Nguyên Văn-Thắng phải zw vào việc ấy và mang vạ. Không rõ vì muốn thwởng cho Ông, hay vì Ông thấy việc mua gỗ nầy nguy-hiểm, mà xin dổi trấn. Cuối năm ấy (Kí-Swu 1829) có nghị-định của bộ Lại dổi Ông làm tham-hiệp trấn Nam-định, là một trấn can-trọng xw Bắc-thành ('3, quyển 70 trang 15a')

Tuy vậy, sách '3, quyển 72 trang 16a' chép vào tháng 3 năm Tân-Mão những việc sau nầy:

"Viên trấn-thủ Thanh-hoa **HỒ VĂN-TRWONG** và viên nguyên dổi bổ tham-hiệp Nam-định **NGUYỄN VĂN-THẮNG** đều có tội, bị miễn chwc. Trwốc đó, bọn nầy mua khoán gỗ lim, dung-túng ngwöi nhà và tw-lại thông-đồng che bọc nhau mua giá qua cao, lắm-phí của công đến hön năm vạn quan. Thwöng-thw bộ Công

Nguyễn Kim-Bảng nhân ra vùng Thanh Nghệ lo việc zựng kho đóng tầu, zò biết sự ấy, bèn tâu mách vua. Vua zụ Nội-các rằng:

((Nguyên mua gỗ lim là để làm ích nwớc, giàu zân, không tiếc tốn tiền nhiều. Bởi tại chúng nó không biết giữ công-tâm làm việc, lại để gia-nhân thuộc-hạ tạ-sự làm lỗi riêng. Các việc nhw vậy nhiều không xiết. Thế thì tệ thực. Đáng ghét! Hồ Văn-Trwởng và Nguyễn Văn-Thắng thì sẽ cách chức tức-khắc. Nhưng lại-zịch liên-can thì tìm quê-quán mà niêm-phong của-cải để đợi xử tội sau))

Vua bèn sai viên hữu-thị-lang bộ Binh Lê Văn-Công mang cờ và bài, mang viên-chức sáu bộ, hội với viên-chức trấn-vũ, tỏi (Nghệ-an?) họp với Nguyễn Kim-Bảng để tra xét việc nầy. Tôn-thất Lwởng nguyên làm hiệp-trấn (Sau vụ án hối-lộ về chuyện ứng-thầu thuế quan-tânmà Nguyễn Văn-Thắng đã điều-tra , Tôn-thất Lwởng đwợc vô-can và thăng chức hiệp-trấn, để chỗ tham-hiệp cho Nguyễn Văn-Thăng thay)cũng vì làm việc chung mua gỗ , cho nên bắt giải-chức, đợi xét tội. Khi án thành, nhưng điều đề-nghị nhw sau:

- NGUYỄN VĂN-THẮNG là thủ-phạm bị kết án trảm giam hậu, nghĩa là tội chém nhưng cho tạm giam để đợi định sau.
- HỒ VĂN-TRWỞNG bị kết án giảo giam hậu, nghĩa là thắt cổ, nhưng cho tạm giam để đợi định sau.
- TÔN-THẤT LWỢNG thì xét ra không lấy của cho mình, chỉ bắt phạt cách chức.

Sách '3' có chép thêm rằng "Cuối cùng Hồ Văn-Trwởng chết ở ngục", chw không chép thêm gì về số-phận Nguyễn Văn-Thắng nwa.

Phan Thúc-Trực trong sách ('4', trang 217) đặt việc Nguyễn Văn-Thắng bị tội vào tháng tw năm Minh-mạng thứ 13, Nhâm-Thìn (1832). Lỗi rằng: "Tiên-sĩ Nguyễn Văn-Thắng và lang-trung Huỳnh có tội, bị án giam hậu vì làm trái ý vua.. Ấy vì để qua mwời ngày không hoàn lại số bạc". Xem đó thì hình nhw lang-trung Huỳnh cũng zự vào việc mua gỗ lim, và cũng đồng-phạm với Nguyễn Văn-Thắng; và đến năm 1832 vua xét lại bản án nầy, tha cho tử-hình, nhưng bắt phải đền lại số bạc đã lấm-phí'. Nhưng số bạc ấy rất lớn, các phạm-nhân không trả đwợc, cho nên vẫn chịu án trảm giam hậu nhw trwớc.. Zẫu sao, theo Nguyễn Văn-Thắng kể lại trong sách '5', cuối năm Canh-Zần, 1830, Ông đã bị hạ-ngục. Sách '6' cho biết thêm tên kẻ gây ra việc gian nầy: là ngwời nhà viên thông-lại NINH ngwỗi cùng xã..

Đến đây, ta có thể khẳng-định rằng đời hoạt-động rỡ-ràng của Ông chỉ gồn-gọn có 6 năm. Trong khoảng ấy, mà tw chân trắng thw-sinh, Ông đã đậu ông nghè và làm quan thạm-hiệp. Đwỡng sĩ-hoạn đầy hứa-hẹn đã gẫy lúc Ông mới 28 tuổi. Zuyên-cớ có phải thực vì Ông tham-lam không? Theo thiển-nghĩ, sự tài-hoa vinh-zự zế-zàng cũng có thể làm trí Ông mờ-quáng trwớc nhưng của mà ngwời nhà và lại-zịch đwa cho. Nhưng ông cũng thừa hay rằng pháp-luật đời Minh-mạng rất nghiêm; án hối-lộ vừa qua ở THANH-HOA mà Ông biết rõ, cũng đủ làm gwơng cảnh-cáo. Có-lẽ chính vì án ấy mà ở Thanh-hoa nhiều kẻ oán Ong, đã khai nặng tội cho Ong trwớc ban đại-hình bộ đã phải ra thẩm-xét. Ong thiếu kinh-nghiệm, cho nên xử-sự có bề sơ-hở. Song vẫn cho mình không tội. Xem việc khi ngồi tù ở ngục Thanh-hoa đợi bộ cứu-tra, Ong vẫn bình-tĩnh, đọc Kiều, làm thơ, soạn KIM VÂN KIỀU ÁN thì đủ rõ.

Số-phận sau đó đã ra sao? Nhờ sách '6', ta có thể đoán đwợc một vài điểm. Trong sách ấy có bài thơ "Tại Bình-hoà gặp ngwỗi đồng-quận họ Hà" tỏ rằng Ong đwợc đổi án tử-hình ra án đày vào Bình-hoà, twc vùng

Khánh-hoà ngày nay. Trong thö ỳnói:" nhìn trời nam thấy chiến-huyết tanh. Mwöi năm trwốc trên dấu ngựa mộng Mai-dình. Ai hay rằng trên đất khói mù dân Man dang mwa chuồn-chuồn, còn có lão-khách giang-hồ qua dớ''. Xét qua thì thấy hình nhwvào dấu dỗi Thiệu-trị, khi có loạn ở Nam-kì và Cao-mên. Lại có bài "Tiễn vö cwới lúc hàn-vi về làng" trong dó có nói:" Hẹn khi nào ngựa mọc sừng mới dwợc về thì dấu sẽ bạc nöi lw-khách". Kết luân, ta doán rằng Nguyễn Văn-Thăng dwợc đổi tội trảm giam hậu ra tội dỗ, dà vào Khánh-hoà hön mwöi năm và có dem vợ theo vào. Ta không biết Ong dwợc tha về năm nào. Chỉ biết rằng Ông có con trai tên QUÍ-CAU dậu cw-nhân năm 1852, ý chừng sinh trwốc khi Ong bị tội. Sự con Ong dwợc di thi tỏ rằng Ong dã dwợc ân-xá trwốc, bởi vì lệ cung khai tam dại (khai li-lích ba dời của thi-sinh) bấy-giỗ dã có. Nếu cha còn bị an nặng thì chwa chắc con dã dwợc di thi.

NỘI ZUNG KIM VÂN KIỀU ÁN

Chuyện nôm KIM VAN KIỀU cuối dời Gia-long dã nhiều ngwời dwợc biết. Nguyễn Văn-Thắng cũng thích dọc văn Kiều. Cuối nAm Canh-Zân, Ông bị tù, giam ở ngục Thanh-hoa. Tin rằng mình vô-tội, không lo, nhưng suốt ngày không việc làm, Ông lại dem Kiều ra dọc, rất lấy làm lí-thú. Chuyên nghề dem quốc-luật xét công hay tội mọi ngwời, tất-nhiên, Ong dã nghĩ dem các nhân-vật trong chuyện Kiều ra bình-luận; nhưng vöi phong-cách của một quan tham-hiệp, nghĩa là quan toà, lấy lối văn-vẻ ra áp-zụng thanh-nghị, luật-pháp và dề-nghị phạt tội thwởng công. Gộp các bản án lại thành tập kim vân kiều án

Tập nầy dề-cập dến tất cả nhwng nhân-vật trong chuyện Kiều, tw Kiều dến tên Ban tö, tw Dạm-tiên dến viên dề-lại họ Dô. Phần lớn mỗi nhân-vật có một bản án, trừ ba cặp tội-nhân dồng-lõa: cặp Tú-bà Ma-giám-sinh, cặp Bạc-Hạnh Bạc-bà, cặp Wng Khuyển. Vậy tập "Kim Vân Kiều án" gồm có 22 bản án, khen chê thwởng phạt 25 nhân-vật.

Dối với nhwng kẻ phạm tội nặng thuộc luật hình thì áp-zụng Hoàng-triều luật-lê. Tên Ban tö vu oan cho Vwöng-ông thông-dồng vöi nhà vö, ẩn trộm của ngwöi, là tên gây dấu tai-họa cho Kiều. Mã-giam-sinh zối hwa cwới Kiều làm vö, lại lừa dem bán cho lầu xanh. Hai tên ấy mắc tội trong-phạm phai dê-nghi an tram khiêu và tram yêu 斬衆, 斬腰. Tú-bà tội cũng twöng-dwöng, nhưng là dàn-bà thì hình-phat lại ác hön, là dùng ngựa xé thây làm năm mảnh. Bạc-Hạnh tội cũng giống Ma-giám-sinh, tuy rằng bây-giö Kiều không phải là con gái lwöng-gia nữa, nhưng cũng khép an tram-khiêu. Tội Bạc-bà có chút nhẹ hön, cho nên kết án giáo giam hậu, thất cô nhwng còn giam xét lại. Sở-khanh tuy cũng lừa Kiều, khiến Nàng phải nghe lệnh Tú-bà, nhưng dwợc coi là tùng-phạm, cho nên kết án trảm giam hậu mà thôi. Dến nhw hai tên Wng Khuyển, thì chỉ là lữ côn-dồ dwới tay Hoạn-bà, dã hành-dộng dể kiếm miếng ăn, cho nên chỉ kết án dày đi xa lập công chuộc tội, dến hết hạn, cho về làng quán.

Hai án kết tội dặc-biệt là án Chung-công và án Hồ Tông-Hiến. Nguyễn Zu dối với Chung-công không gay-gắt. Bình-phẩm y có nhwng câu:

"Họ Chung có kẻ lại già, Cũng trong nha-zịch lại là tw-tâm"
"Ho Chung ra swc giúp vì, Lễ tâm dã dặt tụng kì cũng xong"

Trong chuyện, cả nhà họ Vwöng cũng dầy cảm-tình dối vöi họ Chung. Sau ngày dậu-dạt, Vwöng Quan làm rể Chung-công dể dền ön. Nguyễn Văn-Thắng dưng một lập-trwờng khác. Ông cho rằng Chung-công là một viên dề-lại mà quan phủ sai di khám nhà ngwöi. Biết ngwöi trung-chính mà cw zùng tra-tấn thảm-khốc. Bắt quá chỉ dể lấy hối-lộ chia vöi quan. Vì lẽ ấy mà Nguyễn Văn-Thăng dề-nghị kết án Chung-công tội tw-hình dể làm gwöng cho các tw-lại khác. Dây ta thấy, ngồi trong nhà tù, Ông cäm twc nhưng

Xin dôc-gia chu-y: Muôn cho tiên su danh chu Quôc-ngu voi may diên-tu quôc-tê, tôi se dôi môt sô vân. Do cung là môt phân nghi-quyêt mà tôi da thuc-hành giua nam 1945, hôi tôi giu trach-nhiêm bô Giao-duc và vu Buu-chinh. Sau dây tôi kê ra 7 diêm duoc dùng trong bài sau:

1° Z thay D, thi-du zân-zà

Xin dôc gia chu y

thuộc-lại của Ong tham-nhũng dã gây va cho Ông. Dó là một chứng rằng Ông không phải là thủ-phạm trong vụ mua gỗ lim nầy.

Còn Hồ Tông-Hiến, tuy là một dại-thần uy trọng, có công zẹp giặc bể. Nguyễn Văn-Thắng xét cách xử-trí của y, thì thấy kém nhân-phẩm, không dáng "phwông-ziện quốc-gia", vậy Ông dề-nghị treo chức dể triều-dình xử. Xem dó, ta thấy rằng tuy ngồi tù, Ong vẫn giữ tinh cwông-trực, nghị-luận không sợ chạnh lòng dại-thần dang tra-xét việc mình

Còn các bản án khác, thì phần lớn là nhũng bài bình-phẩm theo luân-lí Nho-giáo; cũng có dề-nghị thưởng phạt theo quốc-luật, mà cũng có sự cầu Trời ban phúc. Dặc-sắc là Án Dạm-tiên. Nàng là ma kĩ-nữ, mang kiếp Doạn-trường. Nhưng Nàng biết thương Kiều, tìm phương giúp bạn. Lại có dức tin; dúng hẹn tới sông Tiền-dường dón bạn dể bao cho hay rằng bạn dã thoát số Doạn-trường. Vậy Nguyễn Văn-Thắng dề-nghị cho Nàng kiếp sau làm cung-nữ.

Dáng dể ý là án ba bạn tình Kiều. Kiều gặp mỗi người trong một cảnh-ngộ khác nhau. Mỗi nhười cũng dối-xử với Kiều một cách rất dộc-dáo. Vậy lời án zài ngắn, kết-luận ý-nhị hẳn cung khác nhau.

Chê Kim Trọng là trai lẳng-lơ; tuy con nhà trí-thức mà mê sắc; gặp gái dứng-dắn mà buông thói sỗ-sàng. Nhưng cũng nhận rằng Chàng có hạnh nhân nghĩa: biết nuôi ông bà họ Vương bị còn khốn-dốn; nghe lời Kiều trối lại xin Chàng cưới em mình; không kể công của, cố di tìm Kiều cho dược; khi mười lăm năm gặp lại, vẫn muốn giữ lờiước xưa, nhưng cũng dành chịu nghe lời Kiều, chỉ cùng nhau làm bạn cầm thơ. Theo pháp-luật và luân-lí thì dáng khép tội ép-nài con gái mà phải treo chức, sai di công-zịch một năm. Nhưng xét tiết-nghĩa của Chàng, thì chỉ dề-nghị giáng bậc mà thôi. . Và chàng giỏi tư-chương, sẽ dề-nghị cất trở lại lên cao mà trọng-zụng. Dó dúng với chính-sách dang-thời dối với các quan lớn bé dời Minh-mạng.

Chê Thúc-sinh là hèn-nhát, dể vợ diều-khiển hoàn-toàn. làm hổ mặt dàn ông; chứ không có một lời bênh Chàng dã cứu Kiều ra khỏi tay Tú-bà. Nhưng cũng nhận rằng Chàng bản-tính hiền-lành, mà gia-tư cũng nhờ nhà vợ mới có. Nghị án tha cho Chàng tội không ngăn dược vợ cả hành-hạ vợ bé. Rồi kết luận một cách khá khoan-zung và hài-hước. Tuy Chàng không dáng Kiều tặng " gâm trăm cuốn bạc nghìn cân", nhưng Kiều dã cho thì án-quan cũng mặc. Rồi dến khi xử án HOẠN-THƯ, thì Nguyễn Văn-Thắng dề-nghị nửa thưởng nửa phạt rằng tha tội cho Hoạn-thư và giao trả cho Thức-sinh dưa về quản-thục!

Từ Hải là một anh-hùng bạn-nghịch với triều Minh. Nên khen hay nên chê, dó là một vấn-dề khó nói cho Nguyễn Văn-Thắng. Nhưng lời án cũng rất khen tài của Từ, khen lòng hào-hiệp báo-ân báo-oán cho Kiều. Không theo sáo-luận sử-gia chê Từ bất-trung; trái lại khen lòng nhân của Từ xót zân trong còn loạn, dức tin của Từ nghe Hồ Tông-Hiến nhận hàng voi zanh-zư. Rồi kết-luận dề-nghị; dể bù cho sự phải chết oan, dề-nghị cho làm thưởng tạm quản các âm-binh báo-oán, rồi kiếp sau sẽ cho làm thông-chê trên dời.

Án Hoạn-thư dáng làm mô-phạm cho các bản khác. Trước khen Nàng là một dàn-bà thông-minh sâu-sắc. Sau chê Nàng, thứ nhất là cư-xử cay-nghiệt. Tuy ghen-tuông là thói dàn-bà, nhưng Nàng giày-vò Kiều qua dáng, không thể zong-thứ về mặt lòng nhân. Thứ hai là trong khi chồng vắng chốn trọ, Nàng dã thuê côn-dồ dột nhà cướp bắt Kiều. Làm như thế là phạm hình-luật, phải dem quốc-pháp mà trị. Nguyên Văn-Thắng suy tình, kiếm lí gỡ tội cho Nàng. Thứ ba là xét Nàng có lòng nhân. Khi bắt dược

quả-tang chồng mình tối Quan-âm-các tw-tình với Kiều mà cũng giả cách làm ngơ. Khi biết Kiều đã lấy trộm chuông vàng khánh bạc để trốn đi, mà không theo đuổi, vì Nàng trọng tài Kiều và hiểu tình Kiều. Thw tw, chỉ vì Thúc-sinh nhu-nhwộc, không làm thú thwc đa co vộ bé với Nàng, lại vì mẹ xui Nàng thuê ngwòi dột nhà cwốp Kiều, cho nên có sw trọng phạm-pháp. Vậy cũng chỉlà tòng-phạm. Thứ năm, về tình, Ong thwờng tình họ Thúc chwa có con nối zòng; nếu khép án Nàng thì Nàng sẽ thành vô-tw. Kết-luận, Nguyễn Văn-Thăng đề-nghị giao trả Hoạn-thw cho Thúc-sinh đem về nhà quản-thúc. Xem đó thì lời án nầy rất là chặt-chẽ, nhận đủ lí và tình. Mà kết-thúc lại ra vẻ khôi-hài, tỏ răng Ong, đứng vị quan toà, ra záng khoan-hồng và tinh-nghịch.

Khởi đầu tập án, tất-nhiên là án Thuy-Kiều; mà án ấy cũng có lỗi zài nhất. Án nầy chỉ có lời khen. Khen Kiều dủ säc, dủ tài, đã làm mê lòng Kim Trọng. Nguyễn Văn-Thăng không hề chê Nàng bất-chính trong sw giấu cha mẹ zan-zíu với trai. Khen Nàng vì hiếu, hi-sinh tình và cả đời mình. Than Nàng mang số đoạn-trwờng, phải qua tay Tú-bà, Hoạn-thw, Bạc-bà. Khen Nàng đã nhờ uy Tw Hải, trả-ân trả-oan phân-minh. Khen Nàng có lòng nhân, xỗ Tw Hải bỏ việc binh-đao; lòng trinh của Nàngkhi tw không chịu làm vộ Kim Trọng sau kì tái-ngộ. Nếu nàng có tội thì chỉ có tội đã vwờng phải mối tình của Thúc-sinh và Tw Hải. Vậy mắc tình là bởi bắt đầu vì hiếu mà bán mình, còn công Nàng thì đáng thwởng. Kết-luận là đề-nghị cho Nàng rút thwc tên khỏi sổ Đoạn-trwờng, và kiếp sau dwộc làm vộ chính một vị đại-thần.

LỜI VĂN CÁC BẢN ÁN

Mỗi án là một bài văn biên-ngẫu, nghĩa là gồm một số câu gọi là đối liên, bởi hai vế cân-đối ghép thành. Mỗi vế dủ nghĩa riêng của nó. Vì vậy ngwòi tahay lận vế với câu trong các lối văn thộ. Án zài nhất có 19 câu, án ngắn nhất chỉ có 3 câu. Số câu zài hay ngắn, tùy vai trò nặng hay nhẹ trong chuyện. Ví nhw những vai chính: KIỀU (19 câu), KIM TRỌNG (13 câu), HOẠN-THW (11 câu), THÚC-SINH (9 câu), TỪ HẢI (8 câu). Trong cặp vế của mỗi câu, số chữ cũng không đều; nhưng bản án nào cũng bắt đầu bằng hai vế, mỗi vế bốn chữ cân-đối, tóm-tắt tính-tình, hành-động của nhân-vật ấy. Sau cặp vế ngắn ấy, thì có những cặp vế zài, ít nhất có 4 chữ, zài đến 31 chữ, chia thành hai, ba, bốn đoạn, mỗi đoạn có tw sáu đến tám chữ, hai vế trong một câu đối nhau: đối đoạn, đối số chữ, vần trắc đối vần bằng, và đối nghĩa. Nguyễn Văn-Thăng không gò đối chữ cho thật cận; còn về bằng trắc, ngoài các địa-vị của chữ nhw cuối đoạn, cuối vế, Ong không câu-nệ lắm. Nhờ vậy văn-thái cũng khá trôi-chảy.

Khi muốn ngâm văn nầy, phải đọc ngắt những đoạn zài, hoặc làm đôi tiết zài nhw nhau, hoặc thành hai tiết mà tiết ngắn thwờng chỉ gồm ba chữ. Trong ví-zụ sau, tôi sẽ zùng zấu gạch xiên mà trỏ tiết:

Trong Án Thúy-Kiều, câu 2, vế trên, đọc: Họa ghen thẹn/liễu hờn xanh, ngọc trăng gwờng trong/ nền quốc-säc.
Câu 3, vế trên, đọc: Giá thuyền-quyên / đã dàng chửa nhà vàng.
Trong Án Kim Trọng, câu 2, vế trên đọc: Bwc tài-zanh/ nền phú-hậu, mối hồng-lâu/ duyên tu-cạc/ thiêu chi.

Văn-thái cua các bản án khá thanh-nhã, thwờng zùng chữ ở trong Kiều, cho nên cũng dwộc lây phần chải-chuốt. Ai thuộc văn Kiều, khi đọc văn nầy

zế thấy nhwng mẫu văn Kiều dwQc zùng lại. Tuy là văn biền-ngẫu, nhwng Nguyễn Văn-Thắng không gò-bó để dồi chw cho cân, dôi trăc bằng cho chăt-chế. Nhờ đó mà văn Ong khá hồn-nhiên.

Tóm-tắt lại, tập án nầy gồm 22 bản an, chwa 116 câu, gớp lai thành 2903 chw. Tôi sẽ phân-tích thành mục-lục sau:
(Sau tên Án và số câu, sẽ có nhwng số chw trong mỗi nwa câu ấy)

MUC-LỤC

1) Án Thúy-Kiều: 19 câu (4+13+8+15+8+15+8+16+16+8+8+15+7+16+8+15+8+9+14+) cong thành 422 chw.
2) Án Thúy-Vân: 6 câu (4+7+15+8+23+9+° cong 132 chw.
3) Án Kim Trọng: 13 câu (4+14+8+15+8+23+8+8+15+8+21+8+16) cọng 312 chw và 3 chw ngoài câu.
4) Án Dạm-tiên: 6 câu (4+15+8+22+7+23° CONG THONH 158 chw.
5) Án Thúc-sinh: 9 câu (4+15+8+16+7+16+8+31+7) cọng thành 224 chw. + 8 = 232
6 Án Tw Hải: 8 câu (4+16+8+16+8+16+15+8° CONG THONH 182 chw.
7) Án Hoạn-thw: 11 câu (4+15+8+16+4+16+7+6+16+8+15) cọng thành 230 chw.
8) Án Vwöng-ông: 3 câu (4+15+8) cong thành 54 chw.
9) Án Vwöng Quan: 3 câu (4+16+8) cong thành 56 chw.
10) Án Thúc-ông: 4 câu (4+16+7+15) cong thành 84 chw.
11) Án tri-phủ Tê (?): 3 câu (4+16+8) cong thành 56 chw.
12) Án lai già Dô: 4 câu (4,15+7+14) cong thành 80 chw.
13 Án quản-gia Hoạn: 3 câu (4+16+8) cong thành 56 chw.
14° ÁN GIAC-ZUYÊN/ 3 câu (4+16+8) cong thành 56 chw.
15) Án thằng ban tö: 6 câu (4+15+4+14+8+8) cọng thành 106 chw.
16) Án già Chung:5 câu (4+23+8+16+7) cong thành 116 chw.
17 Án Mã-giám-sinh và Tu-bà: 6 câu (4+15+8+16+7+22) cọng thành 144 chw.
18) Án Sở-khanh: 3 câu (4+22+8) cọng thành 68 chw.
19 Án Bạc-Hạnh và Bac-bà: 4 câu (4+14+4+15) cọng thành 74 chw.
20 Án Hoạn-bà: 6 câu (4+15+7+15+7+5) cọng thành 106 chw.
21) Án thằng Khuyên và thằng Wng: 4 câu (4+15+15+7) cọng thành66 chw.
22 Án Hồ Tông-Hiến: - câu (4+15+8+15+7+6) cọng thành 98 chw.

Tổng cọng 25 nhân-vật, 22 ban an, 11 câu, 2903 chw.

VĂN- BẢN KIM VÂN KIỀU ÁN

Nay còn thây hai bản nôm Kim Vân Kiêu án cùng chung một gốc mà ra, bản nầy rập theo bản kia mà khăc lại. Zang chw giống nhau, nhwng chw méo-mó, hoặc sót nhw nhau. Có chw sai nhw nhau; có sai ở bản nầy mà dúng ở bản khác. Cả hai bản in giấy gió khổ chwng 15x24 phn Sau nây tôi chỉ chung bằng tiếng bản in thôi; mà nếu cần thì sẽ gọi riêng là bản a và bản b.

Bản in có 13 tờ, mỗi trang 8 hàng, mỗi hàng 20 chw. Trang dầu chỉ có 7 hàng vì có mang tên sách chw lớn chiêm hai hàng. Tiểu-tiết về trang ấy nhw sau:

- Hàng dầu có ghi năm khác: TỰ-DWC NGUYÊN NIÊN NHẤT ZWÖNG NGUYỆT TRUNG HOÃN TÂN THUYÊN 嗣德元年一陽月中院新鐫 (Döi Tw-dwc năm dầu tháng 11 tuần giwa, nghĩa là tw ngày 11 dến 20, khăc, mỏi) Trên hàng thw hai và hàng thw ba dề tên sách bằng chw lớn chiếm hai hàng: KIM VÂN KIỀU AN 金雲翹案 . Zwöi ghi chw nhỏ trên hàng thw hai: Thanh-hóa tỉnh tham-hiệp Nguyễn Văn-Thăng soạn. Trên 5 hàng còn lai, bắt dầu bài twa của tác-giả. Ở lê trang đầu bản a có ghi: (trang sau)
清化省參協阮文勝 撰

lai-viên khac. Phai chäng do cung chwng räng Ong không là thu-pham trong viêc lam-phi tiên công nây. Cò Tw Hai, tuy là môt dai-thân uy trong,

Trwòng văn dwòng bản 長文堂板 nghĩa là bản khắc của Nhà Trwòng-văn. Tựa zwng ở hàng thứ tw trang 2a, zài 330 chữ, viết bằng Hán-văn. Sau tựa, có 22 bản án bằng văn nôm với mỗi tiểu dẹ-mục bằng chữ Hán. An Thuy-Kiêu mở dầu tập án, án Hồ Tông-Hiến ở cuối và hết trên hàng thứ tw trang 13a.

Trong lời tựa, tác-giả giải rõ trwòng-hợp mình soạn và mục-đích mình nhắm. Cuối năm Canh-Zần (1830), ngồi trong ngục, không việc gì làm, dem chuyện Kiều ra dọc lai, khoái trí. Thấy những nhân-vật trong chuyện có kẻ đáng khen, có kẻ đáng chê, nên dem diễn-lệ triều-đình để thẩm-xét, lwu thanh-nghị cho đời sau. Tựa ấy rất ăn khớp với các chuyện về Ông kẻ trong các sách zẫn trên, to rằng chắc-chắn Ong là tác-giả tập án nầy, và viết vào khoảng những năm 1830-1831.

Trwốc năm đầu đòi Tự-dwc (1847) đã có bản khắc chwa? Hai chữ 新鐫 nghĩa là khắc mới, chính ý là khắc lại nhw hai chữ trùng thuyên. Nhwng có lúc ngwòi dem khắc, cô-ý hoặc vô-tình, hiểu nghĩa là mới khắc lần đầu. Vậy dây, ta khó lòng khẳng-định dích-xác. Nếu có khắc thì chắc cũng khá lâu sau khi Nguyễn Văn-Thăng bị tội. Trong trwòng-hợp ấy, bản in 1848 là bản rập của ban trwốc, mà lại mang tên tác-giả với chwc đã bị cạch rồi. Sự ấy tỏ rằng bản in hay bản sao mà Trwòng-văn dwòng theo để khắc, đã khá xa nguyên-bản của tac-giả, và giải duyên-cớ tại sao bản in Trwòng-văn-dwòng có một số không ít chữ sót chữ sai, mà sau nầy tôi sẽ dính-chính và chú-thích. Tôi sẽ zùng những ám-hiệu sau để độc-giả có-thể so-sánh nguyên-thoại của bản nôm 1848 và thoai hiệu-dính của tôi.

Còn các bản in bằng chữ la-tinh thì có-lẽ đã theo gót bản in đầu của Nguyên Ngoc-Xuân xuất-bản ở Hànôi-Haiphòng trwốc 1919. Tôi dwộc xét bản xuất lần thứ ba năm 1919, thấy sai-lầm bịa-đặt khá nhiều, chấm câu lại thwòng sai. Vậy tôi không thể zùng để tham-khảo. Sau dây, tôi chỉ zùng hai bản nôm và những diều thành-quả của sự hiệu-dính của tôi mà thôi.

Hai bản in kia đều có chỗ rách mất chữ khác nhau. Cho nên họp lại thành đầy-đủ. Chỉ ban a còn tên nhà khắc van mà thôi.

Sau dây, tôi sẽ zịch bài tựa và phiên-âm các bản án. Tôi cũng zịch những tiểu-đề của các bản án. Còn phần ziến nghia thì để về sau. Trong mỗi án tôi sẽ ghi số hiệu của câu trong án ấy. Trong mỗi câu, giữa hai vế, tôi sẽ đặt ba zấu = (===). Có những chữ cần có chữ Hán mới rõ nghĩa, tôi sẽ zùng gạch zwối, và sẽ viết Hán-tw ra sau.

Triều Tự-Đức năm đầu, tháng 11, tuần giữa, khắc mới tập

K I M V Â N K I Ề U Á N

Quan tham-hiệp tỉnh THANH-HÓA NGUYỄN VĂN-THẮNG soạn

LỜI TỰA

Dạo chúng ta trong khoảng trời đất trôi quanh mông-mênh. Tuy ở bể xa núi hoang, kẻ Lào xứ Mọi, không ai không bị thấm hóa. Phàm các điều trăm nhà chép lại, zù chuyện tình, chuyện tạp, chuyện mua cười, chuyện dùa vui, ngườì xưa đều thích chép không tiếc công. Ấy bởi vì những kẻ không có việc gì làm, trong khi nhàn rỗi, không sợ phê-bình mà tay cứ viết ra.

Ta sinh không đúng thời, không được học rộng. Từng nghe về chuyện quốc-ngữ KIM VÂN KIỀU, thì xưa ở Bắc-quốc có nhà Ngũ-vân-lâu đã khắc bản thực-lục, mà ngày nay được thấy khắp nơi. Sách đến nước ta; có quan Đông-các đã kể lại, diễn ra Quốc-âm, truyền khắp trong nước, đọc lên như thấy nguyên truyện. Không những văn-nhân tài-tử khi mắt đọc thì lòng thích thân khoái mà thôi, mà hẳn là những trai đồng gái chợ khi ngâm truyền cho nhau, cũng tay múa dùi rung.

Tôi lúc ấy, đang giang-hồ không zừng bước, cánh bèo đang lênh-đênh chưa giạt lại quê-hương. Chuyện xưa, sau một lúc rồi cũng không nghĩ tới nữa. Mùa Đông năm Canh-Dần, tôi bị giam ở ngục; suốt ngày chờ-vờ, Không lấy gì zã lòng buồn. Thỉnh-thoảng đọc chuyện nôm Kim Vân Kiều, may được hiểu thấm lời trong chuyện, nghiền-ngẫm tìm thú trong văn.

Trộm nghĩ rằng thực là trong 1575 câu (số nầy chắc sai, thực ra 1656 hoặc 1657), ý văn nối-tiếp nhau, mối tình tả khéo. Không phải chỉ có những áng văn xưa của Bằng quận-công, Long-lĩnh hầu là hay mà thôi. Còn như bọn chúng tôi, dâu zám " tầm chương trích cú" mà bàn-luận.

Nhưng xét những người zẫn ra trong chuyện ấy, hoặc kẻ có tài khá yêu, hoặc kẻ có nghĩa khá khen, hoặc kẻ có hạnh khá tiếc, hoặc kẻ có tình khá thương, hoặc kẻ có đức tốt khá noi, hoặc kẻ cớ tật xấu khá ghét.

BULAC

Ba thwốc gwöm không tw̉-vị, há zong-thẃ các tình-tội trwốc zw-luận ! Năm träm năm lwu-nghị, án-tình chwa thỏa trong lời văn biên-luận.

Kính theo diển-lệ triều ta mà thẩm-xét chân-tình, khiến không sai-sót một diều gì để lại nghìn năm sau. Dó là mục-dích ta không quản sw quê-mùa mà viết ra trình, để mua lấy một chuyện cwời mà thôi.

(Nguyễn Văn-Thắng)

****

1° ÁN THÚY-KIỀU

1.- Hiếu tình cớ một. === Tài sắc gồm hai.

2.- Hoa ghen thắm, liễu hờn xanh, ngọc trắng gwöng trong nền quốc-sắc. === Cá mê vẫn, chim dắm khúc, non cao nwốc chảy bwc thwöng cung.

3.- Giá thuyền-quyên dã dáng chwa nhà vàng. === Swc tài-nữ cũng nên trao thwốc ngọc.

4.- Tranh thủy-mặc bốn câu ba vận, khách chung-tình rối ruột dộng niềm tây. === Thö Doạn-trwồng một vẫy mời bài, bạn tri-kỉ giật mình nhwồng giải nhất.

5.- Kiếp má phấn dến khi lây mệnh bạc. === Tấm lòng son không chút thẹn vwng hồng.

6. - Ghi (thach) thịt xwöng thề giả dwc sinh-thành, nhắm mắt dwa (giỗ) chân theo máy Tao. === Qua zâu bể zám ăn lời wốc-hẹn, trao tö chắp chỉ cậy tay em.

7.- Phận bèo mây bao quản áng phong-trần. === Vùng träng gió chẳng phai lòng thiết-thạch.

8.- Lời thần-mộng gẫm xô-bồ chwa hết, cõi Lâm-truy dành ngọc nát vàng tan. === Nòi thw-hwöng vì zan-zíu dã lâu, miễn Vô-tích chịu za chì tóc rối.

9.- Cung khốc-tố giải cön (doàn) cwu-oán. === Tỏ thân-cung dộng tấm lòng bi. 宣哭訴 b) 申供

10.- Các viết kinh bấm bụng nuốt sầu riêng, cam khuất-nhục bởi chwa lời tw̉-ta. === Dêm tà-nguyệt băng mình pha lối lạ, mắc bô-dào vì kém chwốc hiểm-sâu.

Ba thuốc gwốn không tệ-vị, bá xong-thư các tính-tật trước xw-luận 1
Bần trần nần lwu-nghị, ẩn-tính chưa thỏa trong lối văn biện-luận.

Xinh theo diễn-lệ triều ta mà thẩm-xét chân-tính, khiến không sai-
sót một điều gì để lại nghìn năm sau. Bổ là mục-đích ta không quản sự
quê-mùa mà viết ra trình, để mua lấy một chuyện cười mà thôi.

(Nguyễn Văn-Thắng)

I° ĐỀ THỨ-NHẤT

1.- Điều tinh có một. === Tất sắc của bút.

2.- Hoa gbon thưa, liễu bóp xanh, ngọc trắng giống trong nền quốc-sắc.
=== Cỏ mỏ vẩn, chim đầu tình, non cao nước chảy bực thường cung.

3.- Giá thuyền-quyên đề đáng chưa nhà vàng. === Sao tất-mỉ cũng nên
trao thuốc ngọc.

4.- Trang thủy-mộc bón cần ba vận, khách chung-tình rốt một động niềm
tây. === Thề Đoạn-trường một vầy mai hai, bạn tri-kỉ giật mình nhường
giải nhất.

5.- Kiếp ma phần đến khi lấy ngậm bọc. === Tấm lòng son khóc thời
vùng Đông.

6.- Chí (thanh) thật xứng thế nữ đức sinh-thành, nhưa mát dạ (giỏ)
chẳn thơo mẹ Trạo. === Ơn tận bể xám ân lối mộc-bạn, trọn tỏ chữ chỉ
cậy tay ơn.

7.- Thận bảo mậy bao quản mệ phong-trần. === Vững trong giờ chẳng
phai lòng thiết-thạch.

8.- Lối thần-ngưng gắn xô-bồ chưa hết, cỏi lận-trụy đành ngọc nát vàng
tantan. === Rõi thu-bường vì xan-xỉu đề lâu, miền Võ-tích chưa xa chỉ
tóc rối.

9.- Cung khoa-tộ giải cân (đoàn) cẩm-oán. === Tỏ tinh-cung động tấm
lòng bi.

10.- Các việt kinh sẵn bụng nước sẩu riềng, cam khuất-nhục bỏi chưa
lỗi tử-ta. === Dòa tộ-nguyệt bằng mình phe lỗi 'ta, mặc bộ-dạo vì hèn
chước hiền-sau.

11.- Cùng dwồng mang nặng nghĩa với sw già. === Túng dất phải chiều lòng cùng vãi BẠC.

12.- Trải mấy lwột chán-chwồng trwồng phong-nguyệt, buôn di bán lại thiếu chi nöi. === Trong näm näm giật-mwộn sẃc anh-hùng, oán trả ön dền dành các tích.

13.- Tủi zanh-phận xui nên lwu-lạc. === So tài-tình xem cũng phân-minh.

14.- Thuổ khuyên hàng mừng twổng việc nhw lồi, thwöng muôn zân lành, dể deo tiếng bạc. === Cön khánh-hạ bổng thấy ngwồi lật mặt, dem nghìn vàng thân nặng giấu sông Tiền.

15.- Hội Doạn-trwồng mong thực hẹn twöng-tri. === Thuyền bát-nhã may nhồ tay cẃu-khổ.

16.- Sum-họp thỏa một nhà nhw trwốc, ơn chàng Kim cho lấy hiếu làm trinh. === Vẽ-vang mừng hai họ hön xwa, tủi phận bạc zám soi hoa với duốc.

17.- Xét sau trwốc dủ nhân trinh hiếu nghĩa. === Thwơng lâu nay lầm tuyết nguyệt phong hoa.

18.- Ấy tình tùng hiếu xuất, sw thuộc vô-can. === Vả tội chuẩn công sai, lí wng gia- thwổng. a) 情從孝出, 事屬無干 b) 罪准功差, 理應加賞.

19.- Kíp truyền Hội-chủ rút tên ra, hãy kiếp ấy quyền nghi mệnh-phu. === Hộp sẃc Nguyệt-ông xe chỉ lại, dể thân sau Chánh-phẩm phu-nhân. 權宜

Hiệu-dính quan-trọng: 6a) Thac 措 → Ghi 搘. Giơ 徐 -> dwa 踐. Chẽa theo tw-dạng và ý. /9a) Doãn 圉 → Cön, chẽa theo ý. // Cả hai bản in dảo hai phần 18b và 19a. Chẽa theo ý và phép dối./ Cung = cung dàn.

Hộp sẃc = nên tw lồi cho. Tiếng cổ.

****

ÁN THÚY-VÂN

1.- Tuyết nhwồng màu za. === Mây thua nwốc tóc.

2.- Sắc chẳng kém mwồi phân trọn-vẹn. === Zuyên lại thêm bốn bể gồm no.

3. Nặng vì cha chịu dựng lấy tồ bồi, tö-tóc nhập-ngừng zwồng biết thẹn. === Thwöng dến chị dền-bù cùng non-nwốc, hiển-vinh gặp-gỗ há rằng cầu.

4.- Nết doan-trang xem phải khổ nẽ-trung. === Khuôn dầy-dặn dủ vào dồ twống-pháp.

5.- Xét dến thuổ phụ tù tị mãi, cön khống-tống zám hẽng-hồ là thế, chẽ vô-tâm coi thấy cũng nên dòn. === Xem chừng khi phu ấm phụ vinh,

nhẽ kinh-quyền khéo nhwồng-nhịn dến diều, dwồng xẩ-kỉ cũng là dà dáng thwổng. a) 父囚姊賣 b) 夫蔭婦榮

6.- Công tội bình phân, án Doạn-trwỗng miễn nghị. === Nết-na phải thói, ngôi mênh-phụ gia vinh. 命婦加榮

****

ÁN KIM TRỌNG

1.- Zòng-zỏi trâm-anh. === Vän-chwöng dài-các.

2.- Bẹc tài-zanh, nền phúc-hậu,mối hồng-lâu, duyên tú-các thiếu chi. ===Tong phong-nhã, ngoài hào-hoa, sân ngọc-bội, phwỗng kim-môn zễ mấy.

3.- Xem zải dất dã vào vòng cụ-thể. === Ngăm phong-quang chwa ra vẻ lao-thành.

4.- Kẻ tấn-thân mà ra thói zông-zài, mwọn bwốc tầm-phwöng do sắc nwốc. === Khách hàn-mặc khéo zö tuồng ve-vuốt (chuốt), thuê hiên Lãm-thúy wốm tö hồng. 尋芳

5.- Chw phất-cần dà lỗi với gia-dình; === Dwồng phi-thể lại phạm vào công-luận. a) 弗勤 b) 非体

6.- Xem buổi mối dã nài hoa ép liễu, nỗi träng-gió chẳng nể lòng doan-chính, án diêu-gian chẳng lọ phải tra. === Gẫm khi nên còn gạn phấn twổng hwỉ , giá bọm-buồng nghe thoảng tiếng thị-phi, luật thất tẹ hiện tồn khả cẩ. b) 律失序現存可據

7.- Xét hẽu lộc phóng nhất niên sung zịch. === Niệm da tình cô nhất thẩ tùng khinh. a) 有祿放一年充役 b) 念多情姑一次從輕

8.- Vả thwöng Chàng: Nhân nghĩa dủ diều. === Thủy chung một mẹc.

9.- Gắn-bó nặng cùng lồi non-nwốc, nuôi hai thân thay mặt khách tình chung. === Zặn-zò hối lại lúc phân-li, nối söi chỉ dền lòng ngwồi mệnh bạc.

10.- Chén nguyện chẩa-chan zòng nwốc mắt. === Gối tình vö-vẩn giấc chiêm-bao.

11.- Mwồi mấy thu phong mổ quạt hoa, nhẽng là thảm lấp sầu xây, nhìn khâm-chẩm mö-màng lồi sön-hải. === Ngoài nghìn zặm dổi thay sẩ nhạn, sá quản của thuê công mwốn, gẫm dỉnh-chung dau-dốn nỗi bình-bồng. a) 衾枕

12.- Áng phong-trần nhìn thấy mặt mối cam; === zuyên thi-tẩu phải chiều lòng cho trọn.

13.- Ấy tâm-dẩc cũng là tuồng quân-tẩ, tình nên thwöng mà dắc-cách cũng ön. === Vả vän-chwöng dã dáng bẹc cao-zanh, tài cũng tiếc, xá khí hà trạc zụng. 棄瑕擢用

LWỘC CHÚ. 3a = dất tốt sinh ngwời dẹp/ 4a) tầm phwông = di chöi ngắm hoa / 5a) Phất cần = làm biếng/ Phi thể = không dúng mwc/ 6b) Bờm-buồng = tiếng cổ trở dài-diễm/ Luật thất tự... = luật phạt sự làm mất trật-tự luân-thwồng còn dó có-thể theo/ 7a) = phạt mất chwc một năm và sai di làm phu linh/ 7b) = Nghĩ bởi da-tình cho nên tạm tha cho một lần/ 11a) Khâm-chẩm = chăn gối/ 13b) Dắc-cách = dwộc ơn vua chỉ cách chwc mà thôi/ 14b) Khí hà = bỏ lỡ những vết/

****

4° ÁN DẠM-TIÊN

1.- Giá nổi một dồi. === Tiếng bay bốn bể.

2.- Hwông một nén cũng cam lòng tri-ngộ, mö-màng phách quế tỉnh dwồng mê. === THö mwồi bài dem thử swc sö-giao, ngần-ngại chân giày di lại dứng.

3.- Nền tài-sắc dã mĩa chiều quyền-quí. === Miền phong-hoa mà thấy zạ thủy-chung.

4.- Chốn thanh-lâu dem túc-trái bảo thầm, một lời trót dã hẹn-hò, nào tiếc swc ngoài mwồi năm chong bóng. === Án minh-phủ thuở tiền-khiên gỗ (gỏ) trắng, hai ngã zù khôn zan-zíu, cũng có công xa nghìn zặm dwa tin. a)風債 b)前牽

5.- Nghiệm giao-tình trọn-vẹn nên thwông. === Xét nghiệp-chwồng dọa-dày cũng xót.

6.- Phạt một lễ hững-hờ cùng viễn-khách, phụ chẳng phụ, do nghi w lí, vậy thân nầy quyền ủy Nguyệt-hoa-thần. === Nhw những diều vất-vả với tri-âm, tình nên tình, ziệc túc vi công, chö kiếp khác gia-phong Cung (quan)-các-nữ. a)猶疑於理 b)亦足爲功

LƯỢC CHÚ 4a) Túc-trái = nợ sẵn/ 4b) Tiền-khiên = vwồng-víu ở kiếp trwớc/ 6a) Zo nghi w lí = xét lí còn chwa chắc là có lỗi/ 6b) Ziệc túc vi công = cũng dủ kể là công/

****

5° ÁN THÚC-SINH

1 Rặt nòi rú (tu) mỗ. === Quen thói bốc rời.

2.- Việc tày trời bwng-bít giấu trong bình, ấp lồng kín giấu voi ruộng rạ. === Kiến zò dất quanh-co bò miệng chén, cu tăm zö những thói trẻ ranh.

3.- Tội khi-man dem buộc lấy vào mình. === Lời dinh-chúc chẳng zám thò ra miệng. a)欺瞞 b)叮囑

4.- Tiệc giải-cấu muốn giày-hành khoan nhặt, bó tay vào diều cung-tẩu giấu quanh. === Gác viết kinh khi röi lệ vắn zài, cắn räng lại chwốc tại dào phất kẻo. a) 邂逅 b) 在逃 (拂轎)

5.- Cũng mang tiếng là tuồng quân-tẩ. === Làm ô zanh dến bạn dàn-bà.

6.- Zwối gối cha, làm nũng, (lũng) zỏ bài-bây, lỡi si-ngốc dã zỏ trong anh-giáo. === Trwốc mặt vợ sợ quen, giang mắt láo, lúc lệ röi thêm zại cả hình-thù. (扛相潦)

7.- Dã thất-cö mà thua trí dàn-bà... Sao tw-thú chẳng hết lòng chị nọ.

8.- Xét trong nhẽ sinh vi nam-tẩ, oai khổn-nội kìa nghiêm-dwỡng phủ-doãn, xem thể-ziện có còn ai dến thế, tội quá nhu wng dịnh nghị mãn dài. === Thwöng vì tình tố thị lwöng nhân, quyền tại-gia là trủng-tể phu nhân (quan), tw-cö cũng vì nó mà nên, thế sở bwc hãy cô zung nhất thẩ. 姑容一次

9.- Còn nhw gấm träm cuốn bạc nghìn cân, Tuy Thúc-mỗ chẳng công chi nên thwỏng, === Song Kiều-nhi có bụng ấy cũng cho.

8a) 生為男子,威阃内.廣堂府尹...罪過柔應定拷滿笞 8b) 素是良人...家宰夫人

LWỢC CHÚ. 2b) Cu tắm zö - chim cu tắm vũng nước bẩn/ 3a) Khi-man = lwa-zối/ 3b) Dính-chúc = trỏ lỡi Kiều dặn về thú thực với vợ cả/ 4b) Tại dào = bỏ trốn vì phạm tội/ 8a) Khổn-nội... = bố vợ dứng dầu ở Kinh/ Tội quá nhu... = tội nhu-nhwợc quá, nên dánh một träm roi/ 8b) Tố thị lwỡngnhân = vốn là ngwỡi lành/ Quyền tại gia... = quyền trong nhà là bà vợ quan dầu Triều, gia-tài có nhờ dó; thế bắt-buộc, nên tạm tha tội cho một lần//

****

6° ÁN TỪ HẢI

1.- Thao lwöc dủ tài. === Côn quyền hön swc.

2.- Giö tay trắng gọi anh-hùng bốn bể, thét lwỡi gwöm cất muôn dội tì-hwu. === Thổi dất bằng rầm (淋) sóng gió một phwöng, dá chân ngwa xô näm toà thành-quách.

3.- Thế oanh-liệt quặn sông cụa núi, === Swc tung-hoành lỏ dất long trời.

4.- Cảm một lời tri-kỉ giữa trần-ai, dem vinh-hiển vẽ twöi màu phấn-dại. === Nghe mấy chuyện bất-bình phen lwu-lạc, ra oai-linh rẩa sạch hận thuyền-quyên.

5.- Trong näm näm vùng-vẫy nghiệp bá-vwöng. === Zw träm trận (囉) ra vào tài trí-zũng.

6.- Lời trong trwống gẫm thị-phi hữu-lí, dộng lwöng-tâm thwöng träm họ vô-cô. === Lệnh zwối cờ truyền bộ-khúc chỉnh-nghi, giải binh-bính quyết một bề qui-thuận. 部曲

7.- Ấy khinh tin, sö phòng-chế, chẳng phải rằng dam tình ngộ sự trái oan. === Trước thiên tải, tưởng cö-dồ, còn tiếc nữa tuy thành bại cũng anh-hùng. a) 眈情誤事債冤

8.- Thôi tạm về quản lấy ôn-binh. === Rồi sẽ nghị tâu cho làm thông-tướng.

LƯỢC CHÚ. 2a) Tì-hwu = quân zũng-mạnh/ 4a) Giữa (trong 竜中→宇中) chữa theo ý, theo tw-zạng và theo luật niêm/ 7b) Trận (nguyên viêt hai chw RA囉), chữa theo ý/ 7a) Chẳng (nguyên viêt Cũng 拱→極), chữa theo ý/

****

7° ÁN HOẤN-THW

1.- Tinh-ma nhất thứ. === Sâu-sắc nước dồi.

2.- Vắng mặt chồng riêng họp lũ côn-quang, miền tha-cảnh cướp người buông lửa. === Bắt thứ-thiếp nhận làm người mê-thất, phen thị-tì lấp phấn vùi hwöng.

3.- Thói hồng-nhan không mua lây zễ-zàng. === Tiếng nghiệt-phụ dã nên rằng dộc-dịa.

4.- Trên tiệc dể ai cười nước mắt, còn là zâng (tiệc) rượu, lại còn gảy dàn hồ (là nỗi thuyền-quyên). === Bên phòng xui kẻ khóc chiêm-bao, còn bẻ tồ cung, lại còn tra nét mặt.

5.- Tình dã phân-minh. ===Lí không hồi-hộ. 回諒

6.- Tuy ghen-ghét là phu-nhân chi thường-thái, phép thường xét dến cũng không zung. === Mà trộm cướp là quốc-diển chi nghiêm-hình, phận gái làm quàng không nhẽ thứ.

7.- Gẫm dến tình-hình thành khá-ố. === So vào tội-trạng bất-wng khinh. a) 誠可惡. b) 不應輕

8.- Song mà còn chút khá ngờ. === Vậy phải cho nên chwa quyết.

9.- QUAN-ÂM-CÁC thủa nhãn-tiền hiện-hoạch, zâm dắc tíchmà thác tự vô tri. ===CHIỀU-ẨN AM khi gia-vật khả bằng, dạo dắc tang cũng trí chi bất-vấn. a) 觀音閣。眼前現獲,淫得跡..自無知 b) 昭隱庵。家物可憑,盜得贓。置之不問.

10.- Ấy Hoạn-thị tình zường xem cũng khá. === vì Thúc-sinh vụng xử hóa xui nên.

11.- Vả Hoạn-mẫu (thw) còn dợi án vô-nghi, chẳng kẻo mẹ nuông con là thế. === Thwöng Thúc-mỗ chwa yên dường kế-hậu, hãy cho chồng lĩnh vợ dem về.

LƯỢC CHÚ. 2b) Phen = tiếng cổ nghĩa nhập bọn mà chia công việc/ 4a) vế nầy, cả hai bản nôm dều saiý, sai số chữ vì dối với vế zwối thừa ra một chữ. Lấy tw-zạng, tôi doán rằng hai chữ thuyền quyên 婢娟 là bịa, bởi hai chữ dàn Hồ mà lầm ra; rồi tôi theo ý mà chữa/ 5b) Hồi-hộ = bào chữa/ 6a) Phụ-nhân... = là thói thường của dàn-bà/ 6b) Quốc-diển chi... = tội nặng trong luật nước/ 7a) Thành khả ố = thực dáng ghét/ 7b) Bất wng khinh = không nên coi nhẹ/ 9a) Nhãn-tiền... = bắt dược

trwốc mắt tang-tích thông-zâm, mà giả nhw không biết/ 9b) Gia-vật... = nhận dwợc dứng đồ quí của mình là chứng Kiều đã trộm, mà để im không điều-tra/

****

8° ÁN VWỜNG VIÊN-NGOẠI

1.- Thwỡng tình tuổi-tác. === Giữ phận hiền-lành.

2.- Phàm vô-tri lây vạ gió khôn kêu, khiếp zạ dến diều khánh-tận.
=== Can hwu-sự gặp túi tham còn nhẹ, cùng dwỡng cho nên nỗi biệt-li.

3.- Tuy ngày sau dà mừng phận rể con. === Nhwng oan ấy cũng nên gia phú-quí.

****

9° ÁN VWỜNG QUAN

1.- Quả ngwồi lwờng-thiện. === Thực zạ thủy-chung.

2.- Chốn tụng-dình giục Chung-lão thửa mwu, hết tw-sản cũng không lòng oan-hận. === Phen hoàng-bảng lấy Kim-gia làm bạn, kết hôn-nhân cho trọn dạo thủy-chung.

3.- Xét tên nầy tuy cạnh-khoé chwa tròn. === Soi zạ ấy cũng nên gia phúc-lộc.

LWỢC CHÚ. 2b) Hoàng bảng = bảng dậu tiến-sĩ. Vể nầy trở sự sau khi dậu tiến-sĩ, Vwờng Quan cwỡi con gái Chung-công dể tạ ơn/

****

10° ÁN THÚC-ÔNG

1.- Khéo dwỡng buôn-bán. === Vụng nỗi ở ăn.

2.- Bề khuyên-răn không sớm thuở còn thờ, miền hàng chợ dể hw thân lêu-lổng (dỡng). === Zuyên gặp-gỡ tới khi tình dã nặng, chốn quan-ti dem lại việc quàng-xiên.

3.- Sao không suy, kiện-cáo ích chi. === Mà nỡ dể tiếng-tăm ra thế.

4.- Xét dến nhẽ xử gia giáo tử, Tội bất-nghiêm wng dịnh trwộng tám mwời. === Thwỡng sao tình chất-phác cao-niên, luật chuẩn-thục hứa nạp ngân tứ lwờng. a) 處家教子。不嚴 b) 貿朴高年。準贖

LƯỢC CHÚ. 2a) Lêu-lổng, nôm viết lêu-dổng 遼童 ; có-lẽ xwa nói nhw vậy, vì hai âm-tố l và d phát bằng dầu lwỗi và chân răng cùng một diểm/ 4a) Xử gia... = vì tội dạy con-cái trong nhà không nghiêm, dáng bị đánh 80 trwợng/ 4b) Chất-phac... = nhỗ tính không láu-lỉnh, tuổi lại cao, (mà lại buôn-bán có tiền) cho nên luật cho phép nộp 4 lạng bạc để chuộc tội/

****

11° ÁN VIÊN TRI-PHỦ HỌ TỀ

1.- Lòng gwờng minh-mẫn. === Mặt sắt đoan-trang.

2.- Thấy lá dờn Thúc-lão dã zờ tuồng, phụ khống tw tối quan, không nhẽ chối. === Tra đến mặt Thúc-sinh mà phá lẽ, công chế tw mỗ lí, zém bài hoà.

3.- Gẫm ngôn-tw, dáng thể-lwợng dại-thần. === Xét khóa-tích gia phẩm-trật ngw-sw. 2a) 父控子最関 2b) 公制私 3b) 課績

LƯỢC CHÚ. 2a) Phụ khống... = cha kiện con là sự quan-trọng// 2b) Dáng lẽ "tw chế công" mới đứng tw. Zém là một tiếng cổ, nghĩa là xử-nghị: trong tw-vị GENIBREL còn có./ 3b) Xét khóa-tích = xét việc hay việc zỗ một viên quan đã làm trong một khóaba năm hoặc sau năm/ tôi không biết Nguyễn Văn Thắng dọc dâu mà biết họ viên tri-phủ là TỀ.

****

12° ÁN VIÊN LẠI GIẢ HỌ DỖ

1.- Nhỗ giai nhất thw. === Nói khéo dầu dây.

2.- Ngoài phố-phwờng sự-tích đã mwời năm, nhỏ-nhặt tóc-tơ tình chẳng lẫn. === Trwốc quan-lại ngôn-tw thông một mạch, dầu duôi phải chẳng chuyện nhw in.

3.- Xét tên nầy chừng đã cao-niên. === Xem tài-khí cũng nên dại-zụng.

4.- Trộm nghĩ ngwời làm báu nwốc, gẫm tên nầy nên Hộ-vụ thí tài. === TRÔNG LWỢNG THÁNH mở khoa dời, chuẩn khoản ấy hạ Lại-tào tham-nghị. a) 戶務試才 b) 吏曹參議

LƯỢC-CHÚ. 1b) nghĩa: noi có dầu có duôi/ 4a) Ngwời làm báu nwốc là zịch tw câu chữ Hán 人為国宝 (nhân vi quốc bau)/ Hộ-vụ... = bộ Hộ thw tài/ 4b) Khóa dời = khóa xét đặc-biệt/ Lại-tào = cũng nhw bộ Lại, nhwng đặt ở Bắc-thành và ở Gia-định-thành.

****

13° ÁN MỤ QUẢN-GIA HOẠN-A

1.- Tính-hạnh ngay-lành. === Nết-na nhẹ-nhỏm.

2.6 TINH CON Mắt biết kẻ khinh ngwỗi trọng, lời hiếu-sinh twỗng kẻ tóc chân tơ. === Rộng lòng thwỗng khi thang thuốc chén trà, diễu phwỗng-tiện zặn dwồng ăn lối ở. a) 好生 b) 方便

3.- Nay tiên-thwởng nghìn vàng âu cũng phải. === Chờ tái-sinh ngũ-phúc sẽ phê cho.

****

14° ÁN SW GIÁC-ZUYÊN

1.- Nhân-nghĩa dử dwỗng. === Tu-hành phải dạo.

2.- Lời dàn-việt hở ra nghe cũng gớm, cửa tw-bi lựa lối gửi ân-tình. === Sổ tiên-cung zặn lại thấy mà mừng. === Thuyền tế-độ giăng sông chờ phúc-dức. a) 坟越 b) 仙宮

3.- Ân-nghĩa ấy trả nghìn vàng cũng phải. === Công-quả kia ngồi Thập-diện cũng nên. 十殿

****

15° ÁN THẰNG BÁN TỜ

1.- Giả zanh thwỗng-mãi. === Vốn dảng côn-quang.

2.- Thú giang-hồ quen lệ dơ dây, loát hộ-tịchdã toàn vô-zanh-quản. Miền thôn (tài)-zã thác (nảy?) nghề buôn-bán (tốt), dáo quan-ti dã cụ thở tình-hình. a) 刷户籍。全無名貫 b) 到官司。具吐情形

3.- Tội-trạng hiển-nhiên. === Gian-tang cụ-tại. a) 罪狀顯然 b) 奸贓具在

4.- Thấy Viên-ngoại ngu-tình khả-hách, trong nhà trông áng dử làm ăn. === Nghe nha-môn liệt chứng tiêu lây, vào pháp dua nhau cùng kiếm-chác. a) 員外愚情可赫 b) 衙門列証鎖(涞)

5.- Ấy đáo án dã cung chiêu bất húy. === Mà cw tùcòn hãm-hại vô-cô. a) 到案。供招不諱 b) 居囚。陷害無辜

6.- Chiểu cwỗng-phạm dắc tài-luật-khoa hình. === Giao cai-hạt áp pháp-trwỗng khiêu-trảm. a) 昭強犯得財律科刑 b) 交該轄押法場梟斬

LƯỢC CHÚ. 2a) Loát hộ-tịch = bỏ tên trong sổ zân làng/ 2b) Các chữ bản in sai, tôi đã chữa theo ý và tự-zạng: Thôn 村 thay 材 ,Thác 托 thay 扔 , Bán 半 thay 卒 / 4a) Hách = bắt nạt: Áng = coi chừng/ 4b) Tiêu = phá/ 5a) Trước quan án, khai bừa không kiêng/ , 4b) Vô-cô = không có chỗ nương-cậy/ 6a) Xét thấy tội vào hạng nặng ở khoa Tài/ 6b) Giao cho quan coi hạt nầy đem nó đến pháp-trường mà chém bêu đầu/

****

16° ÁN VIÊN DỄ-LẠI HỌ CHUNG

1.- Zö thói ruồi xanh. === Pha nòi cò trắng.

2.- Nhw Vương-lão quả-tình nên thứ-tội, vả văn-lí cũng trong tay mực-thước, can chi không xét lẽ rõ oan. === Thấy Kiều-nhi còn thể bán ra tiền, giả tư-tâm mà lựa khoé lươi-chài, lẽ đâu có lớt dây luồn dó.

3.- Ngươi hữu-lộc chẳng bỉnh công thủ pháp. === Ăn đã no còn cố-sự cô-ân.
a) 有祿。秉公守法 b) 固事沽恩。

4.- Bạc tham-tang ba trăm lạng tổ-tường. === Chiếu quốc-luật đã xử trong nhất-tử. 一死

5.- Ngươi hiếu-nữ mươi lăm năm dày-dọa. === Luận âm-công nưng phạt cập tam sinh. 論陰功應罰及三生

6.- Trước cho doàn-chúng thấy e mình. === Sau để bàng-quan trông sướng mắt.

LƯỢC CHÚ. 3a) Ngươi làm quan không giữ lòng công và pháp-luật/ 3b) Cô-ân = giả cách ban ön/ 4b) Nhất-tử = nhất-quyết giết/ 5b) Xét về tội ngâm, thì phải phạt dày-dọa trong ba kiếp/ 6b) Bàng-quan = ngươi xem bên cạnh/

****

17° ÁN MÃ GIÁM-SINH VÀ TÚ-BÀ

1.- Chung lưng hương-phấn. === Mở phố nguyệt-hoa.

2.- Một dứa là bợm xác gặp hồi đen, quen tuồng cũ kiếm ăn lập nghiệp. === Một con là dĩ già (bản b bôi đen) dà hết lộc, nhắc nghề riêng châm-chút sinh-nhai.

3.- Mạt cưa mướp dắng, vui phận xát xương. === Vỏ lựu máu gà, quen bề truyền miệng.

4.- Mượn tiếng lấy nghìn vàng mua giá ngọc, cho con ong mở lối dóa trà-

mi. === Cố-tình dem bát-nghệ vỏ lòng son, thuê thằng Cuội bẻ khóa buồng Ngwng-bích. a) 八葬 b) 凝碧.

5.- Chẳng thwöng dến vàng phai ngọc nát. === Nỗ làm cho buốm chán ong chwồng.

6.- Xét tên kia quả rằng thực côn-dồ, phân-minh vô-dạng bất-nhân, thẻ yêu-trảm phó pháp-trwồng thị tội. === Tra mụ nọ, thị Tú-bà bản-sắc, dích-xác kiếp lwöng vi kĩ, tội phân thi giao ngũ mã tw hình. a) 分明無兼不仁,(徐)腰斬付法場示罪 b) 是秀婆本色,的碓劫良為妓,罪分尸交五馬司刑

LWỘC CHÚ. 2b) Châm-chút (針卒), dọc châm-chuốt chäng?/ 6a) Rõ-ràng không chối dwộc là kẻ bất-nhân, phải trao thẻ tội chém ngang lwng cho pháp-trwồng mà hành hình/ 6b) Thật rằng dã cwớp con gái lwöng-thiện bắt làm gái mãi-zâm, sẽ bắt tội lấy näm ngựa buộc vào mình mà xé thây/

****

18° ÁN SỞ-KHANH

1.- Vốn phwồng xỏ-lá. === Quen thói lwà hoa.

2.- Xắn tay chôn mấy dóa phù-zung, chứng Mã-kiều khai dã phân-minh, lật mặt gấp mày tình dã hiển. === Tham ba hốt hại chiếc thân bồ-liễu, tồ TÍCH VIỆT hiện còn tự-tích, vò hồng giày tía, tội khôn tha.

3.- Cứ án-biên dắc tài-luật khoa-hình. === Nghị cai phạm trảm-giam-hậu dãi thẩm. a) 拟案編得財律科刑 b) 議該犯斬監候待罪

LWÖC CHÚ. 2b) Zấu chữ Sở-khanh viết trên tồ trao cho Kiều, hai chữ Tích Việt (Chiết tự thành: ngày 21 giö Tuất thì chạy) nay còn/ 3a) theo án thì phạm tội hình-khoa về Tài/ 3b) dịnh tội ấy phải chém nhwng dwộc giam dội xét lại.

****

19° ÁN BẠC HẠNH VÀ BẠC-BÀ

1.- Một tổ bộm già. === Vốn nghề hành-viện. 行院(芫)

2.- Mừng dwộc khách son phai phấn lạt, tìm dwồng hung-hiểm ép tö dào. === Zòm-zỏi khuôn vốn một lỗi mwồi, lập chwốc dảo-diên tranh mặt bạc.

3.- Án-tờ dích-xác. === Tang-vật hiển-nhiên.

4.- Dứa mụ già mà lấy sáu mwöi quan, tình khá ố, gia giảo giam hậu. === Thằng buôn lỏng kể hai mwöi hốt, tội nan dung wng nghị trảm khiêu.
a) 情可惡,加絞監候 b) 罪难容,應該斬梟

LƯỢC-CHÚ. 2b) Chữ Một ở dây, các bản nôm viết đặc-biệt với chữ nôm xwa 蔑 chắc là zấu-tích của nguyên-bản của Nguyễn Văn-Thắng/ 4a) Tình khá ghét, kết tội thắt cổ nhwng dwộc giam dội xét lại/ Ý TRONG CÂU 4 nầy thì Bạc -bà giầu chỉ bán Kiều cho Bạc Hạnh có 60 quan, còn Bạc Hạnh thì bán lại dwộc 20 hốt bạc. Tôi không biết tác-gia lấy tín-điểm ấy tw dâu/ 4b) Buôn lỏng (湃) có-lẽ nghĩa là buôn không vốn để bán lại lập-twc/

****

20° ÁN HOẠN PHU-NHÂN

1.- Nhờ dwc ấm-phong. === Chính ngôi mệnh-phụ. 蔭封

2.- Bề thảo-ngay lẽ lấy mình làm trwốc, lập-nghiêm cho chính chốn khuê-môn. === Dwờng ở-ăn không để dwc cho con, lwu-tệ nỗ hw nền phúc-lộc.

3.- Sao không nghĩ phúc-dwc tại mẫu. Mà nỗ dem bạc-ác giáo nhi.

4.- Chiều bụng con mà hội dảng chỉnh thuyền, nghìn zặm zám buông-tuồng việc zw. === Zw lộc nwốc mà ỷ quyên lộng pháp, tấc gang không khiếp sợ oai trời. a) 會党整船 b) 倚权弄势 3a) 福德在母 3b) 菑惡教兒

5.- Nỗi xử-tâm quả kẻ da-doan. === Cõn dáo-án tìm phwöng thoát-võng.

6.- Chờ tróc-hoạch dích-thân. === Sẽ án luật trị tội.

LƯỢC-CHÚ. 1a) Ấm-phong = Nhờ cha, ông, chồng làm quan to mà mình dwộc ban chwc hàm/ Hai chữ Bụng (4a) và Phwöng (5b) đều sót ở hai bản in; tôi bù, theo ý và số chữ trong vế/ 5a) Bày nhiều mwu-kế nham-hiểm để dối-xử với ngwời/ 5b) Đến khi dòi ra xét-xử thì tìm kế để thoát lwối/

****

21° ÁN THẰNG KHUYỂN VÀ THẰNG WNG

1.- Zạ vwộn lòng hwöu. === Dầu trâu mặt khỉ.

2.- Tra đến lẽ thuyền-bè riêng vwột bể, bắt ngwời buông lửa, há rằng oan. === Thwöng vì tình cöm áo nặng vào mình, giày lạnh xông than, nên phải khổ.

3.- Tuy biết tw-hànhlà phạm-pháp. === Song mà thủa mệnh zám tw-nan. a) 呈律行

4.- Chiểu vi tùng phát phối viễn vi nô. === Chờ hiệu-lwc, hwa hồi dân sinh nghiệp. a) 照為從發配遠為奴 b) 較力許回民生業 3b) 辞难

LƯỢC-CHÚ. 3a) Tw-hành = làm càn/ 3b) Thửa mệnh = mệnh của ngwời/ 4a) Xét thấy vì là tòng-phạm, cho nên dày đi làm ngwời hầu quan ở phwöng xa/ 4b) Chờ làm xong việc thì cho về quán làm ăn/

22° ÁN HỒ TÔNG-HIẾN

1.- Cầm quyền vũ-tiễu. === Mang tiếng kinh-luân.

2.- Trải mấy phen xô-xát dã kinh hồi, chực thế tháo lui khôn chống sức. === Nhờ dược lúc hỗng-hồ ra rước sứ, dánh kẻ hàng (chạy) lại lấy làm công.

3.- Lượng bất-nhân không thẹn tiếng đến Triều. === Công tự-dại nhỗng khoe ran với chúng.

4.- Khi quá chén, vuốt râu khoe trí cả, trông mặt trưng-tráo, gấm mà zö. === Lúc mê dàn, gục mặt dộng niềm riêng, nói tiếng giọng ve, nghe cũng lẩu.

5.- Công ấy tội nầy vâng thỉnh-nghị. === Gươm kia ấn nọ hãy quyền thu.

****

(LỜI KẾT TẬP "KIM VÂN KIỀU ÁN")

6.- Rày hồi thu-thẩm giới kì. === Vâng cụ án-văn trình nghị./.
a) 回秋審屆期 b) 具案文程持

LƯỢC-CHÚ. 2b) Hai bản in dều khắc dánh kẻ chạy; cũng có nghĩa, nhưng thanh trắc không dúng dối, mà lại mất hoà-hài. Vả chữ liền là "bất tru hàng" 不誅降 . Tôi chữa vì ý, vì dối, và vì tự-zạng: chữ 降 lầm ra chữ 踢. 5a) Xin triêu-dình bàn về công tội Hô, vì tác-giả dang ở tù không zám dề-nghị tội một dại-thần/ 5b) Nhưng cũng xin cất chức quyền làm tướng zẹp giặc của Hồ./ 6a) Thu-thẩm = Lệ xưa, cứ dến mùa thu thì triều-dình xét lại những trọng-án trong năm/ 6b) Cụ án-văn = soạn xong các bản án, trình lên Triêu-dình dể xét lại.

Trên kia tôi có nói rằng Nguyễn Văn-Thắng dang làm chức tra án, thế mà bị tù, cho nên quen việc mà đem các nhân-vật chuyện Kiều ra xử. Nhưng còn một lẽ nữa. Có-lẽ chính Ông muốn xin Triều-dình xét cho công-minh tội buộc cho Ông, như xử các nhân-vật trong chuyện KIM VAN KIỀU.
Ông

上

可憐者性之可懲者惡之可惡者然三尺法無私情罪豈容於槩論五百年留護案情未爰拔明文承依國朝條例審讞真情使無凝滯於千載之下是某之辞畧陋以呈一笑柄云

翠翹案

孝情固沒才色謙𠲖花恠𦼔柳慣撐玉皇𦗳冲璣國色鄭迷韻鳩濺曲巖高潜泏塩商官價婢娟仓當畫茹鐄飾才女拱鋮捽搓玉幀水墨罘勾𠸗韻客鍾情

Một trang nguyên bản Kim Vân Kiều Án

BULAC

LES PROCES "KIM VAN KIEU" par Nguyên Van-Thang
présentés par Hoang Xuân-Han (145 - 173)

C'est un ensemble de 22 jugements portés sur tous les personnages du roman de Nguyên Zu, véritables arrêts de tribunal quant au fonds et littéraires quant à la forme, du genre des Phu et des oraisons funèbres. C'est un genre de poème en prose rythmée, formé d'un nombre variable de stances de deux vers "parallèles". Ces vers font pendant au point de vue longueur, néanmoins variable, au point de vue coupures, de tonalité et de sens. Chaque jugement débute par deux vers de quatre pieds qui résument parfaitement le caractère et les faits du personnage, et se termine par un arrêt, récompense ou punition, basé sur le code judiciaire des NGUYEN quand il s'agit des crimes, sur la morale courante et même sur les coutumes et croyances.

L'auteur est justement un mandarin judiciaire en prison à cause de sa carance dans la surveillance des achats pour l'état, du bois LIM à un prix trop élevé. Etant un grand admirateur du roman de Nguyên Zu, il eut l'idée en prison en 1830-1831 de composer ces jugements comme il avait d'habitude fait sur ses sujets. C'était pour laisser à l'avenir des jugements, disait-il dans sa préface, sains et solides. Mais peut-être pensait-il solliciter de ses juges un jugement sur son cas aussi équitable que les siens sur les personnages du roman.

Nguyên Van-Thăng né en 1803 au village Des Papiers, près de Thang-long, était un lettré remarquable. Docteur au deuxième concours impérial à HUE, en 1826, à l'âge de 23 ans, il atteignait par la rectitude de ses jugements le grade élevé de juge provincial en 1829, puis voyait sa carrière brisée en 1830 à l'âge de 27 ans. Condamné à mort avec sursis, il obtenait le changement de sa peine en déportation. On lui doit, pendant son isolement, peut-être un autre long poème dont nous parlerons plus tard.

Le texte qu'on lira ici du KIM VAN KIEU AN est tiré directement d'un imprimé en Nôm daté de 1848. J'ai dû y apporté de nombreux rectifications pour rémédier aux erreurs de copie et de gravure. Toutes les corrections sont motivées et expliquées et avec le signalement de la version de l'ancien éditeur.

BULAC

KIM VAN KIEU

LES PROCES "KIM VAN KIEU" par Nguyên Van-Thang

présentés par Hoang Xuân-Han (145 - 173)

C'est un ensemble de 22 jugements portés sur tous les personnages du roman de Nguyên Zu, véritables arrêts de tribunal quant au fonds et littéraires quant à la forme, du genre des Phu et des oraisons funèbres. C'est un genre de poème en prose rythmée, formé d'un nombre variable de stances de deux vers "parallèles". Ces vers font pendant au point de vue longueur, néanmoins variable, au point de vue coupures, de tonalité et de sens. Chaque jugement débute par deux vers de quatre pieds qui résument parfaitement le caractère et les faits du personnage, et se termine par un arrêt, récompense ou punition, basé sur le code judiciaire des NGUYEN quand il s'agit des crimes, sur la morale courante et même sur les coutumes et croyances.

L'auteur est justement un mandarin judiciaire en prison à cause de sa carence dans la surveillance des achats pour l'état, du bois LIM à un prix trop élevé. Etant un grand admirateur du roman de Nguyên Zu, il eut l'idée en prison en 1830-1831 de composer ces jugements comme il avait d'habitude fait sur ses sujets. C'était pour laisser à l'avenir des jugements, disait-il dans sa préface, sains et solides. Mais peut-être pensait-il solliciter de ses juges un jugement sur son cas aussi équitable que les siens sur les personnages du roman.

Nguyễn Van-Thắng né en 1803 au village Des Papiers, près de Thang-long, était un lettré remarquable. Docteur au deuxième concours impérial à HUE, en 1826, à l'âge de 23 ans, il atteignait par la rectitude de ses jugements le grade élevé de juge provincial en 1829, puis voyait sa carrière brisée en 1830 à l'âge de 27 ans. Condamné à mort avec sursis, il obtenait le changement de sa peine en déportation. On lui doit, pendant son isolement, peut-être un autre long poème dont nous parlerons plus tard.

Le texte qu'on lira ici du KIM VAN KIEU AN est tiré directement d'un imprimé en Nôm daté de 1848. J'ai dû y apporter de nombreuses rectifications pour rémédier aux erreurs de copie et de gravure. Toutes les corrections sont motivées et expliquées et avec le signalement de la version de l'ancien éditeur.

BULAC